

SỐ 1831

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHUỖNG TRUNG XU YẾU

Chùa Đại từ ân, Sa-môn Khuy Cơ soạn thuật.

QUYỂN THƯỢNG (PHẦN 1)

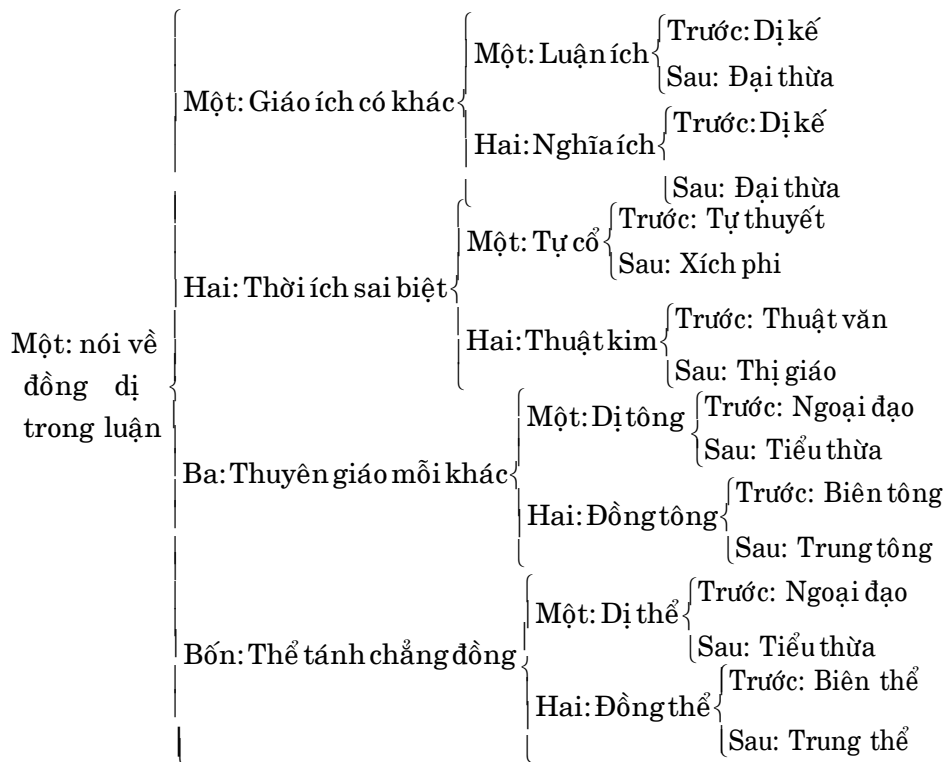
QUYỂN 1

Nay giải thích văn luận, lược làm năm môn phân biệt:

Một: Minh thời ích	Một : Minh thời	Một : Tự cổ	Một : Tự thuyết
		Hai : Xích phi	
	Hai : Minh ích	Hai : Thuật kim	Một : Thuật văn
			Hai : Thị giáo
	Một : Thuật văn	Một : Tự biệt	
		Hai : Hội văn	
	Hai : Thuộc giáo	Một : Lập tông	
		Hai : Thuộc giáo	

Ba: Quy Danh thừa	Một: Quy danh	Một : Tự danh	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một : Tự cổ Hai : Tự kim </div>
		Hai : Quy danh	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một : Danh quy Hai : Ý quy </div>
	Hai: Quy thừa	Một : Tự thừa	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một : Tự dị Hai : Hội đồng </div>
		Hai : Quy thừa	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một : Biện nghĩa Hai : Chánh quy </div>
Bốn: Nhiếp tạng phân	Một: Nhiếp tạng	Một: Tự tạng	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một: Dị kế Hai: Tự tông </div>
		Hai: Nhiếp tạng	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một: Nghĩa biện Hai: Chánh Quy </div>
	Hai: Nhiếp phân	Một : Tự phân	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một : Tự tướng Hai : Thuần tạp </div>
		Hai: Nhiếp phân	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một: Nghĩa biện Hai: Nhiếp phân </div>
Năm: Tự nhân thích	Một: Tự nhân	Một : Tự thời	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Hai : Tự chủ </div>
		Hai: Chánh thích	{ <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; padding-left: 5px;"> Một : Chánh khoa Hai : Chánh thích </div>

Lại giải thích văn luận, trước dùng ba môn phân biệt:



Hai: Nơi chốn quy giáo	Một: Quy danh	{ Một: Tự danh Hai: Quy danh }	{ Trước: Cổ danh Sau: Kim danh }
			{ Trước: Quy đại Sau: Quy mật }
	Hai: Quy tạng	{ Một: Tự tạng }	{ Trước: Tự dị Sau: Đại thừa }
			{ Trước: Nghĩa giải Sau: Chánh quy }
	Ba: Quy phân	{ Một: Tự phân }	{ Trước: Tự tướng Sau: Thuần tướng }
			{ Trước: Nghĩa biện Sau: Chánh quy }
	Bốn: Quy thừa	{ Một: Tự thừa }	{ Trước: Tự dị Sau: Hội đồng }
			{ Trước: Nghĩa biện Sau: Chánh quy }

Ba: Tự thích sở nhân	Một: Tự nhân duyên	{ Một: Tự bản nhân Hai: Tự mật nhân }	
			Hai: Tự niên chủ
	Ba: Thích phân đoạn	{ Hai: Tự chủ }	
			{ Hai: Mật phân }
	Bốn: Thích luận văn	{ Một: Thích bản }	{ Hai: Thích mật }
			{ Hai: Thích mật }

Nhưng, trước tiên năm môn mười nghĩa vẫn dùng ba môn tổng thâu:

1. Nói về Đồng dị trong luận
2. Nơi chốn giáo quy
3. Nêu thuật giải thích đề văn.
 - Trong phần nói về Đồng dị lại mở làm ba:
 1. Vì đối Dị tông hiển bày riêng biệt của tự tông
 2. Vì đối Dị giáo hiển bày thể của Tự giáo
 3. Vì hạng đầy đủ cơ cảm mà rộng nói thời cơ.
 - Trong nơi chốn giáo quy lại mở làm ba:
 1. Mười hai phần giáo, phần nào nhiếp thuộc
 2. Hai tạng ba tạng v.v... tạng nào nhiếp thuộc
 3. Một Thừa, hai Thừa v.v... Thừa nào nhiếp thuộc.
 - Trong nêu thuật giải thích đề văn lại mở làm ba:
 1. Tự thuật luận năm tháng, người soạn
 2. Giải thích luận đề mục
 3. Giải nghĩa luận bản văn.
 - Lại giải luận này có ba môn biện thích:
 1. Tự thuật luận Sở nhân
 2. Giải thích luận đề mục
 3. Phán thích bản văn.

Tự thuật luận Sở nhân: Trong Du-già Luận Thích lược ghi: Các loài hữu tình từ vô thủy đến nay đối với pháp thật tướng do không biết nên cố chấp, khởi hoặc phát nghiệp, luân hồi năm nẻo, đức Như Lai xuất hiện nơi đời, tùy nghi giảng nói, ở trong diệu lý khiến các hữu tình rõ đạt các pháp phi không phi hữu, xa lìa nghi chấp, khởi hành trong xứ tùy ứng diệt chướng, mỗi tự tu mãn, đắc Tam-bồ-đề, chứng lạc tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, nhân Đại Thiên bộ chấp khởi lăm thứ đấm trước hữu kiến, Bồ-tát Long Mãnh chứng Địa cực hỷ, tham cứu nhất nhóm giáo nghĩa Không, Vô tướng của Đại thừa, tạo luận Trung Quán v.v... xiển dương chân yếu, phá trừ hữu kiến kia. Các Đại luận sư như Thánh giả Đề-bà v.v... tạo Bách luận v.v... hoằng dương Đại thừa. Do đó, chúng sinh lại chấp trước không kiến, Bồ-tát Vô Trước cũng lên bậc Sơ địa, chứng Pháp quang định, đắc thần thông lớn, tôn thờ Bồ-tát Di-lặc, thỉnh nói luận này. Lý không gì chẳng cùng, sự không gì chẳng tận, văn không gì chẳng giải thích, nghĩa không gì chẳng thuyên, nghi không gì chẳng dứt, chấp không gì chẳng phá, hạnh không gì chẳng tu, quả không gì chẳng chứng, chính vì Bồ-tát khiến các Thừa, Cảnh hạnh

quả v.v... đều được khéo léo, chuyên tu đại hạnh, chứng đại Bồ-đề, khắp vì các chúng hữu tình không từng giảng nói trái ngược, lại gần vì các Thừa khác, khiến nương tự pháp, tu hành tự phần, đắc chứng tự quả. Do vậy, năm phần trong tông thịnh hành ở bốn chủ, tương ứng mười chi, truyền lưu khắp năm xứ Ấn.

Bấy giờ có Bồ-tát Phiệt-tô-bạn-đồ, Hán dịch là Thế Thân, là người em cùng mẹ với Bồ-tát Vô Trước, chứng quả vị ở Minh đặc đạo gần đến Cực hỷ, cũng thông rành cả ba Thừa, ban đầu học khắp các bộ phái, biết Tiểu thừa giáo chẳng phải cùng cực, mới xoay lại hướng đến Đại thừa, nhân nghe tụng kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Địa, A-tỳ-đạt-ma phẩm Nhiếp Đại Thừa, bèn hối lỗi quấy trước, rơi lệ với kiến chấp xưa, nắm dao muốn cắt lưỡi để tỏ bày nỗi lòng trung thực. Người anh ở xa cách ba do-tuần, buông duỗi một cánh tay ngăn cản sự tự hại đó, lấy điều lợi hại để giải bày rằng: “Ông tuy dùng lưỡi mà phỉ báng pháp, đâu phải cắt lưỡi mà tội trừ? Ông nên sớm tán dương giải thích Đại thừa để hối cải lỗi phạm xưa trước”. Bồ-tát Thế Thân vâng theo lời người anh chỉ dạy, nhân đó quay về với diệu lý. Người anh mới đem kinh Thập Địa mà trao cho và căn dặn chế tác bản Nhiếp Đại Thừa và khiến Thế Thân tạo luận thích đó. Nên hai bộ luận này do Bồ-tát Thế Thân làm lúc mới quay về với Đại thừa. Vậy mà, văn chứa đựng cả huyền tông, tình bao trùm cả diệu chỉ. Lại làm Hoằng luận, diễn xướng sâu mầu, khéo chọn cơ mầu, giỏi nêu tinh túy, bèn trước thuật luận Duy Thức Tam Thập Tụng, để diễn bày diệu thú của Đại thừa, sum la vạn tượng bao hàm trong một chữ, ngàn muôn lời dạy đầy đủ ở một lời, đạo vượt các vở sách, tiếng thơm ngời sáng muôn Thánh. Lược tụng đã hoàn tất, vừa mở bày rộng giải thích, cơ cảm chưa phù khế thì bất ngờ Bồ-tát thị tịch.

Lại có các Bồ-tát Hộ Pháp v.v... xem đọc văn luận tụng, mỗi mỗi tự làm luận thích nghĩa, tuy ngành ngọn cao vời, cành sở nhánh ngọc, mà riêng chiếu sáng ngời, lan tỏa thơm ngát phải chăng chỉ có một mình Bồ-tát Hộ Pháp! Bồ-tát Hộ Pháp quả vị chứng đắc đã từ kiếp trước, nhưng ở địa vị tại hiền này, ngâm thêm võ vật, tùy cơ làm lợi ích. Năm hai mươi chín tuổi, ngài tự biết mạng sống có kỳ hạn, nhàm chán vô thường, chuyên tâm thiền tập, thề chẳng lia cội Bồ-đề, suốt trọn ba năm, ngoài lúc rảnh rỗi thì chú giải chế tác luận thích đây, văn xa lý sâu, trí rộng danh cao, chấp phá hết ở một lời, gỡ rối cùng ở nửa bài tụng, văn khác như nước lửa, nhưng phù hợp tự keo sơn, nghĩa đồng sông hồ mà thông thành trong đục, bờ mé mênh mông vút núi cao mà tiếp trời, gò đồi vời vợi hết hang hốc mà phẳng bằng, cúi xuống khoang sâu mà không đáy,

ngẩng lên với cao mà chẳng ngần mé. Văn thô nghĩa cạn, nhưng dòng pháỉ chẳng cùng, câu dài tông rộng nhưng đào luyện có hạn, công vượt ngàn Thánh, đạo hợp trăm vua.

Bấy giờ có cư sĩ Huyền Giám, nhận biết cả lông lá của phụng gà, suốt thông cùng dấu ẩn của lân rồng, từng dốc hết của cải luôn vì cúng dường, chí ý kiên cố thành thực sâu sắc, hết tài vật đã nhiều năm. Bồ-tát dẫn dụ nhiều mối, đáp để lại luận thích đây mà răn bảo đó rằng: “Sau khi ta qua đời, phàm có người đến xem, ông nên dùng một lượng vàng mà thưởng cho họ, như gặp được bậc thông thần đỉnh ngộ thì sẽ có thể truyền thông”. Cuối cùng đã ẩn ngấm bật tuyệt Huyền đạo, thanh danh Bồ-tát chấn động châu này, tiếng tăm luận thích vượt xa xứ kia, các loại có tánh linh ai mà chẳng ôm hoài khâm phục, sáng sớm được nghe đạo, chiều tối chết an lòng, đâu tiếc lặn vàng thoi. Nếu đem đổi bậc hiền tài thì cũng giống như gò đồi chồng chất của cải, cả năm xứ Ấn Độ trông mong nhưng chưa kịp lưu hành.

Đại sư Huyền Tráng là bậc tuấn phát thiên tư, hiểu biết đều nhờ cầu học, không thần tích nào mà chẳng chiêm lễ, chẳng Thánh giáo nào mà chẳng mở đọc, nghe diệu lý ấy, ân cần nương nhờ mong cầu, cư sĩ Huyền Giám ghi nhớ di ngôn của Tiên thánh, hẳn Đại sư là thuộc hạng bậc hiền thời nay, mới dâng trao bản thảo đó và Ngũ Uẩn luận thích. Đại sư đọc xem như thấy được Thánh dung, mỗi lúc đặt để trong tay chẳng khác gì chân thuyết, từ phương Tây mưa đổ số ngọc, ở phương Đông rảo rong ngựa trắng, tuy diễn rộng lý mầu, tưởng thưởng lấy làm bí quyết, mãi đến lúc thần giá quán riêng, cảnh ẩn ánh sáng, sạch tai mắt để tư duy sâu, rộng tâm linh mà giải thích diệu, bèn bảo: “Nay đây mới thỏa tâm ta vậy! Trọng Ni nói ta có ngọc đẹp cất giấu trong hộp, ai người khéo ra giá, nay ta bán cho”.

Khuy Cơ tôi xưa trước lẻ loi ngang trái, năm chín tuổi đã phải mồ côi. Từ đó, chí ý muốn nương gá ráng mây, thêm luôn mong xuất gia, tình tưởng trần tục vốn dứt từ nhỏ, đến năm mười bảy tuổi bèn dự vào chúng xuất gia, riêng vâng phụng minh chiếu, được làm thị giả. Từ khi dự phần trong số chúng ba ngàn vị, tức mừng vui với khuôn phép trong số bảy mươi vị, hẳn hợp với thiện nguyện. Sau lại vâng thừa văn bút, chẳng vì tư chất kém cỏi, bèn được theo cùng chúng phiên dịch, nhân việc ghi chép mà nhận được luận đây, công lao trước hết là phiên dịch riêng mười Luận thích, gồm có bốn người. Phưởng, Thượng, Quang và Cơ tôi đồng thọ, nắm bút chỉnh lời, kiểm văn xét nghĩa, thế rồi vào nề nếp, mỗi chuyện đều có các quan khác lo. Sau vài lần châu hầu, Khuy

Cơ tôi cầu xin ô thái ẩn. Đại sư cố hỏi, Khuy Cơ tôi mới ân cần thưa rằng: “Từ đêm mộng thấy Kim dung, sáng sớm rảo đến Bạch mã, ánh ngời tỏa sáng bờ tóc, linh trí theo nơi hai vai. Nghe năm phần mà dùng tâm mong cầu, quấy tám Uẩn mà xa trông, tuy được cặn bả của pháp môn, nhưng mất thuần túy của nguồn huyền. Nay phương Đông biệt xuất anh tài, đều nhắm đặt huyền tông, nay lại riêng đẹp lạ muôn phương, trội vượt ngàn xưa, chẳng lập công ở tham lẫn, có thể gọi là mất thời ấy. Huống gì các Thánh chế tác, mỗi mỗi vọng vang khắp năm xứ Ấn Độ. Tuy văn truyền đủ nơi kinh điển mà nghĩa chẳng đầy ở một bản, tình kiến mỗi riêng khác, người bảm thọ không chỗ cậy nương, huống hồ thời nhiệm người bạc, mạng ngắn, tuệ cạn, soi sét chi ly mà chẳng rớt ráo, quấy yếu chỉ nguyên sơ mà khó tuyên, xin gom hết các lời để làm một bản, khải định thật hư, cân nhắc khuôn phép”. Lâu sau ngài bèn thuận cho, nên được luận đây mà hành hóa. Đại sư, lý bỏ lại ba hiền riêng tra kẻ quê vụng, với luận đây vậy, bao gồm bí yếu của các kinh, gồm hết yếu chỉ của các Thánh, không dính kẹt nào mà chẳng dung, không tối tăm nào mà chẳng soi sáng, ngửa trông thì chẳng cùng, cúi xét thì chẳng lường, xa vời mà không trí, thân gần mà có thức. Đó có ẩn gần năm Minh, mở bày tám Tạng, cửa sâu luôn đóng, đường huyền chưa thông, dụ như bông lông đầy gò, dùng lửa cháy ném vào đó, tợ khe sương băng dùng cảnh nóng rưới đó, thật là ánh đuốc của đêm dài, gương vàng của tối sớm. Tuy vốn lưu xuất từ năm xứ Ấn Độ, nhưng ở xứ ấy không luận thích mệnh mang như thế, ngay như phần riêng làm của mười sư nhóm họp còn khó, huống gì góp nhặt văn từ sâu mầu đây, thật là chưa có. Đây mới là duyên khởi của luận này.

Giải thích đề mục: Tiếng Phạm gọi là Tỳ-nhã-đề (Thức) Ma-trí-thích-đa (Duy) Tát-đề (Thành) Xa-tát-đát-la (Luận), đúng ra phải gọi là Thức Duy Thành luận, thuận theo tiếng Hán là Thành Duy Thức luận. Tiếng Phạm gọi Thành Duy Thức là gọi theo ngôn ngữ của họ, hoặc là Tỳ-nhã-đề-ma-đát-thích-đa, Tỳ-thân-độ-ca (tịnh) Xa-tát-đát-la, phải gọi là Thức Duy Tịnh luận, nay gọi là Tịnh Duy Thức luận, ở cuối quyển 10 luận này giải thích: “Ba phần luận đây thành lập Duy thức, nên luận đây gọi là Thành Duy Thức luận, thì vốn gọi là Duy thức. Thích luận gọi là Thành”. Nhưng y cứ theo bản Tam Thập luận, ở dưới đề mục riêng chú thích: “Luận này cũng gọi là Thành Duy Thức luận, vì Tam Thập luận giáo thành lập Duy thức vậy”. Như trong kinh Thuyết Vô Cấu Xưng, Phật bảo gọi là kinh Thuyết Vô Cấu Xưng Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn, nhưng đề mục kinh là kinh Thuyết Vô Cấu Xưng, phía

dưới đề kinh có ghi chú là “cũng gọi là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát”. Đây cũng như vậy, riêng cũng gọi là Thành. Vả lại như bài tụng cuối trong Nhị Thập Tụng luận do Bồ-tát Thiên Thân tạo ghi: “Ta đã tùy tự lược nghĩa Thành duy thức, cũng gọi là Thành Duy Thức”. Nhưng nay, Thích luận do Bồ-tát Hộ Pháp tạo phần nhiều so với luận gốc chỗ lập tên gọi chẳng đồng, Nhị Thập Duy Thức giải thích tên gọi là luận Duy Thức Đạo. Luận đây là cách gọi của Thành Thích luận, nên cuối luận ghi: “Bản luận đây gọi là Tam Thập Duy Thức”. Lại nói: Luận đây ba phần thành lập Duy thức, nên biết Duy thức là tên của Bản luận. Nay phần Thích gọi là Thành. Thành chẳng phải vốn xưng, chỉ lấy chánh danh Bản luận chẳng lấy tên riêng ghi chú. Hoặc có Duy bản chẳng phải giải thích danh, như Biện Trung Biên, hoặc có Duy thích chẳng phải tên gọi gốc, như Duy Thức Đạo luận. Hoặc có Bản, Thích hai tên, như Tập Tập luận, nay chỉ giải thích tên gọi hoặc là tên gọi chung.

Thành Duy Thức đó, Thành của Duy thức, trong tiếng Tô-mạn-đa, thứ sáu thuộc chủ, thì thứ tám là chuyển thanh, thanh đây là luận biện trong thanh, chữ Tô ở sau, Mạn-đa là nghĩa sau, thì chữ Tô ở thanh sau. Tiếng Để-ngạn-đa có mười tám chuyển, biện trong tiếng đây, chữ Để ở sau, Ngạn-đa là nghĩa sau, thì chữ Để ở tiếng sau, là chọn lựa thanh ngôn đây, Tô-mạn-đa, là y chủ thích trong Sát-tam-ma-bà thích. Sát là Lục, Tam-ma-bà là Hợp, thì gọi là Lục hợp thích, trước lia sau hợp, nên nhân luận sinh luận, một chữ đã không thuyên biểu, làm sao nói Sát có thể là Lục vậy? Nay y cứ Phạm bản, có ba chữ Sa-tra-đa, hợp lại mới thành từ Sát, nên chẳng phải một chữ có thuyên biểu.

Thành là cách gọi của năng thành, để thành lập làm công, Duy thức là danh của Sở thành, lấy giản trạch rõ ràng làm nghĩa, an giáo lập lý, gọi đó là Thành. Thức, nghĩa là năng liễu, vì thuyên bày năm pháp. Duy, có ba nghĩa. Thức thuyên bày năm Hữu, Duy chọn hai Không. Duy, nghĩa là giản trì. Hữu tâm không cảnh là nghĩa của Duy vậy, chọn bỏ cảnh giữ lấy tâm, nên nói giản trì là nghĩa của Duy, cũng là nghĩa quyết định, và nghĩa hiển thắng. Liễu, nghĩa là Liễu biệt, tác dụng thuyên biện là nghĩa của Thức, Liễu biệt ở cảnh là dụng của Thức. Ở đây nói Duy là: An Tuệ có một phần Duy, Nan-đà có hai phần Duy, Trần Na có ba phần Duy, trong đó có hai thuyết thật và giả. Hộ Pháp có bốn phần Duy, luận phần nhiều nương ba phần, giáo và lý có bốn phần.

Giải thích tên gọi Duy thức, như trong chương đó giải thích, hợp chung có mười nghĩa giải thích Thành duy thức:

1. Kinh nói Duy thức, luận giải gọi là Thành.

2. Bản luận gọi là Duy thức, Thích luận gọi là Thành,

3. Kinh và luận đều gọi là Duy thức, nay phần Thích gọi là Thành.

4. Tông gọi là Duy thức, Nhân và Dụ gọi là Thành. Luận bản lược nêu chỗ lập gọi là Tông, nay nghĩa rộng thành nên gọi là Nhân và Dụ, thuật đủ nguyên do, dẫn pháp Đồng dị để thành chỗ lập. Trong Nhị Thập luận ghi: “An lập Đại thừa, ba cõi Duy thức”. Trần Na giải thích: “Nhân và Dụ thành Tông, gọi là an lập”. Trong đây nói Thành, nghĩa cũng đồng.

5. Thể gọi là Duy thức, nghĩa thích gọi là Thành. Bản luận lược nêu thể đó, chưa nhận biết sai biệt nay rộng nói rõ nghĩa, đủ hiển bày sai biệt, nên gọi là Thành.

6. Tóm lược gọi là Duy thức, chưa giải nghĩa sau, rộng gọi là Thành, bày đủ chỉ thật. Hai giải sau đây y cứ Nhiếp Thích phần trong luận Du-già giải thích. Phàm giải thích kinh pháp, trước thể sau nghĩa, trước lược sau rộng.

7. Do giáo thành giáo

8. Do giáo thành lý

9. Do lý thành giáo

10. Do lý thành lý

Hỏi: Bốn giải thích sau đó, nương vào đâu mà được biết?

Đáp: Cuối luận có bài tụng ghi: “Đã nương Thánh giáo và Chánh lý”. Lại nói: Ba phần luận đây thành lập Duy thức, nên biết năng thành tựu thông giáo và lý. Ở đầu luận có bài tụng ghi: “Nay ta giải thích thuyết kia”. Thuyết thì giáo của bản luận ở lập hoặc lý của Sở nghiệp, hai nghĩa đều thông, cuối luận lại nói: “Do ba mươi bài tụng hiển bày lý Duy thức rất sáng sủa”. Kệ tụng ghi: “Phân biệt nghĩa tánh tướng Duy thức”. Nghĩa tức là lý, nên biết Sở thành cũng thông giáo lý.

Luận thì như trong Câu-xá ghi: “Dạy răn học chúng, nên gọi là luận”. Du-già giải thích là: “Hỏi đáp quyết trạch tánh tướng các pháp, nên gọi là luận”. Giải thích trước nương bi, vì lợi chúng sinh, giải thích sau nương trí, biện rõ các pháp. Thành Duy Thức tức luận, luận của Thành Duy Thức, căn cứ nghĩa thì biết.

Vì sao luận này gọi là Thành duy thức, chẳng gọi thành gì khác? Cũng thành các nghĩa khác nên muốn khiến chứng đắc lý trí Duy thức mà thành lập, như luận Du-già, đây thông giáo lý, từ nhiều Duy thức mà làm danh. Hoặc là nay chẳng trái nghịch, thành lập diệu lý Duy thức, như luận Thành Thật cũng thông giáo, lý, từ Sở thuyết làm danh,

hoặc phá chấp thật ngoài tâm có cảnh, chẳng khéo tin học diệu lý Duy thức mà thành lập, như luận Thành Giả cũng thông giáo lý, thành là lập nghĩa. Hoặc là luận đây y cứ ở lý trí Duy thức sâu mầu mà thành lập, như hoa Thủy lục, luận Đối Pháp v.v... y cứ đó sinh khởi cũng vậy. Hoặc ngại sợ diệu lý Duy thức tán diệt, nay là lược nhiếp rộng tán nghĩa mà thành lập đó, như Nhiếp Đại Thừa. Lại, trong tất cả pháp, tâm là thù thắng nhất, như trong kinh Hoa Nghiêm ghi: “Tâm như thợ vẽ khéo, vẽ các thứ năm Uẩn, trong tất cả thế gian, không pháp nào chẳng tạo”. Do đó mà thành lập.

Hỏi: Căn cứ như phần Chánh tông ở sau, hoặc phân làm hai: một là nhân; hai là quả. Hoặc phân làm ba, như giải ở trong đó, hoặc phân làm bốn, nửa bài tụng đầu, gồm nêu phần cương yếu. Nửa bài tụng thứ hai mươi bốn rộng bày phần Năng biến. Thứ ba có chín kệ tụng tổng kết giải thích phần bên ngoài vấn hỏi. Thứ tư có năm kệ tụng, nương tu được phần lợi ích. Hoặc phân làm năm, trong phần thứ ba trước, mở một bài tụng nêu bày lại phần biến nghĩa. Các giải thích như vậy thì thành lập tùy chỗ đáng nghĩa, tại sao chỉ gọi là Thành Duy Thức luận?

Đáp: Từ chỗ ban đầu nói rõ gọi là danh, nó nương vào Sở biến của Thức, như luận Du-già. Lại, từ đoạn thứ hai làm danh, phần giữa cũng có nói Duy thức, nghĩa là các thức chuyển biến v.v.... Hoặc từ chỗ mới đầu, giữa và sau nói rõ làm danh. Ở đoạn thứ ba nói: “Cho đến chưa khởi thức, cầu trụ Duy thức tánh v.v... Hoặc hai đoạn sau ý muốn giải thích mới đầu lược nêu. Hoặc tuy chỗ nói rõ thông tất cả pháp không gì chẳng là Duy thức, nên chẳng gọi các thứ khác. Lại, vốn muốn thành lập nghĩa Duy thức. Trên đây là ý kết quy của việc thành lập tên gọi Duy thức.

Trong giải thích đề mục có năm Duy thức làm Sở quán, ba tuệ làm Năng quán. Lại, cảnh giáo lý hạnh quả năm thứ Duy thức, như trong chương đó giải thích. Xứ xứ trong cảnh Duy thức, trong kinh căn cứ có các Dị thuyết, hoặc nương Sở chấp, hoặc căn cứ tạp nhiễm. Hoặc tùy Sở chấp và Hữu vi, hoặc chỉ tùy Hữu vi, hoặc tùy chỉ sự, hoặc tùy tất cả pháp không hữu để nói rõ Duy thức, mỗi mỗi có thành văn nghĩa như chương thuyết, y cứ trong cảnh giáo lý hạnh quả năm Duy thức, luận đây chỉ có nghĩa nói rõ cảnh Duy thức, xả bỏ thủ cảnh bên ngoài vì tất cả cảnh chẳng lìa tâm, như văn nêu bày đủ; có nghĩa chỉ nói giáo Duy thức, thành giáo của bản luận, vì giải thích kia nói; có nghĩa chỉ lấy lý Duy thức, thành lập lý sở thuyết của bản giáo, vì phân biệt nghĩa tánh tướng của Duy thức; có nghĩa chỉ lấy hạnh Duy thức vì nói rõ năm vị

tu Duy thức hạnh; có nghĩa chỉ lấy quả Duy thức, vì cầu đại quả an lạc, thân giải thoát vì đại Mậu-ni gọi là Pháp thân. Nay nương chánh nghĩa năm thứ đều phải, tuy nương phần thứ ba, nói là đã y cứ Thánh giáo và Chánh lý, phân biệt nghĩa tánh tướng Duy thức và nói: Nay ta giải thích thuyết kia cho rằng chỉ lấy giáo lý. Nói y cứ giáo lý thành tánh tướng kia, tánh tướng thì nhiếp hết tất cả. Tất cả đều lấy ở lý làm thù thắng.

Hỏi: Vì sao trong bốn y, khuyên y trí chẳng y thức? Luận đây gọi là Duy thức mà không gọi là Duy trí?

Đáp: Ba y còn lại cũng như vậy. Như phần giải thích danh trong chương Duy thức giải thích. Lại, Thích luận gọi là pháp, như Tông Luân thuật ký nói.

Trong phần “căn cơ tiếp nhận giáo hóa” có ba: một là Thuật dị, hai là Hội đồng, ba là Bị cơ. Thuật dị như kinh Pháp Hoa ghi: “Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói”. Vì giáo căn cứ có thể có một cơ, kinh Niết-bàn cũng ghi: “Sư Tử Hống là quyết định nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, chúng sinh cũng vậy, thấy đều có tâm. Phàm, có tâm là đều sẽ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nên các chúng sinh chỉ có Phật tánh”, lại căn cứ Nhiếp luận của Thiên Thân nói: “Vì thượng thừa hạ thừa có sai biệt, nên Bồ-tát Thanh văn mỗi mỗi có ba tạng, chẳng luận Độc giác, Bất định, Không tánh”. Có giáo rộng khác thì phân làm hai. Độc giác, Không tánh đều không có tạng khác. Thượng hạ trí lực của trung căn trong mười lực v.v... cũng chỉ có hai”. Căn cứ kinh Thiệu Giới, luận Địa Trì lập làm hai: một là có tánh, hai là không có tánh. Vô tử Pháp nhĩ, vì sáu Xứ thù thắng cũng có tánh, chỉ do căn lành trời người mà không tánh đó thành tự. Theo kinh Pháp Hoa cũng có thể nói có ba, với người cầu ba Thừa thì đem ba Thừa trao cho, nên luận kia ghi: “Bốn loại Thanh văn chẳng vì hạng thú hưởng tịch tăng thượng mạn mà thọ ký, có quả thừa nên chỉ nói có ba”. Theo kinh Niết-bàn cũng có ba, như người bệnh có ba:

1. Hoặc gặp hay chẳng gặp thầy thuốc quyết định có thể lành là Bồ-tát.

2. Gặp thì lành, không gặp thì chẳng lành là hàng Nhiếp thuộc.

3. Gặp và chẳng gặp đều chẳng thể lành là hạng người không tánh.

Theo kinh Đại Bát-nhã quyển 593, hội thứ 16 ghi: “Lúc Phật thuyết pháp bên cạnh bên cạnh ao Bạch lộ, Bồ-tát Thiệu Dũng Mãnh thưa: Cúi mong đức Thế Tôn xót thương chúng con mà tuyên nói đủ cảnh trí của

Như Lai. Nếu loại hữu tình ở Thanh văn thừa tánh quyết định, nghe pháp này rồi, chóng nương tự thừa mà được ra khỏi. Ở Vô thượng thừa tánh quyết định nghe pháp này rồi chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu loại hữu tình tuy chưa vào chánh tánh lia sinh mà ở ba Thừa tánh chẳng định, nghe pháp này rồi đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Cúi mong Đức Như Lai giải đáp điều con hỏi!” Kinh đây chỉ nói người có chủng tánh vào Thánh đạo, nên không có hạng người thứ năm là không có chủng tánh, Đại bi xiển-đề. Lại, người đoạn thiện chưa thể vào Thánh, ở đây cũng chẳng nói. Lại, trong kinh Thắng Man ghi: “Chúng sanh là thiện tri thức, không nghe phi pháp, do căn lành trời người mà thành tựu, người cầu Thanh văn thì trao cho Thanh văn thừa, cầu Duyên giác thì trao cho Duyên giác thừa, cầu Đại thừa thì đem Đại thừa trao cho. Đó gọi là nhiếp thọ chánh pháp, có khả năng gánh vác bốn thứ trọng trách”. Trong đây, do chung theo riêng, có tánh làm ba, không tánh làm một. Lại y cứ ở cuối quyển 2 trong kinh Lăng-già bộ mười quyển, quyển 1 trong bộ bốn quyển nói, phần lớn cũng đồng: “Phật bảo Đại Tuệ: Có năm thứ tánh chứng pháp:

1. Tánh Thanh văn thừa.
2. Tánh Bích-chi-phật thừa.
3. Tánh Như Lai thừa.
4. Tánh Bất định tánh thừa.
5. Không tánh nghĩa là Nhất-xiển-đề.

Đây có hai thứ:

1. Đốt cháy tất cả căn lành thì phỉ báng Bồ-tát tạng.
2. Xót thương tất cả chúng sinh, làm hết tất cả nguyện của chúng sinh giới là Bồ-tát.

Nếu chúng sinh chẳng vào Niết-bàn, ta cũng chẳng vào. Đại Tuệ thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hai hạng người đó vì sao thường chẳng vào Niết-bàn? Phật dạy: Bồ-tát thường chẳng vào Niết-bàn chẳng phải đốt cháy căn lành là vì biết các pháp xưa nay là Niết-bàn, chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh”. Trong luận Đại Trang Nghiêm quyển 1 phẩm Chứng Tánh nói có năm thứ chủng tánh. Ba thừa định và chẳng định. Bốn, đồng Du-già. Trong tánh thứ năm nói có hai thứ: một là Thời biên, hai là Tất cánh. Thời biên có bốn: Kệ tụng ghi:

*“Một mực hành ác hạnh
Đoạn hết các Bạch pháp
Không có giải thoát phân
Thiện ít cũng không nhân”.*

Tất cánh không là vì không nhân. Thời biên trong đây nên gọi là tạm thời. Tiếng Phạm gọi là Niết-ca-la A-ba-lợi-nật-phước-nam Đạt-ma. Niết là tạm, Ca-la là thời, A gọi là không, Ba-lợi là viên, Nật-phước-nam là tịch, Đạt-ma là pháp. Thì pháp tạm thời không viên tịch. Nếu thời biên v.v... nên nói Ca-la Ấn-đa-a-ba-lợi-nật-phước-nam. Ấn-đa là biên, các từ khác nghĩa đồng như trước. Còn Du-già nói về năm tánh như số.

Tiếp theo thuật về đồng, ngoài ra các văn khác như trước tự càng hòa hợp. Như kinh Lăng-già nói về hai thứ xiển-đề: một là đoạn thiện căn có đủ tà kiến; hai là Bồ-tát đầy đủ đại bi. Hạng trước là có lúc vào Niết-bàn, hạng sau không hẳn như vậy, vì chúng sinh giới vô tận thời, hữu tình không tánh chẳng thành Phật. Bồ-tát Đại bi không kỳ hạn thành Phật. Nhưng tánh thứ năm hợp có ba thứ: một, gọi là Nhất-xiển-đề; hai, gọi là A-xiển-đề-ca; ba, gọi là A-điên-đề-ca. Nhất-xiển-đề-ca là nghĩa Lạc dục, vì ưa thích sinh tử. A-xiển-đề-ca là nghĩa chẳng lạc dục, vì chẳng ưa thích Niết-bàn. Hai hạng này thông ở hạng người đoạn căn lành, bất tín, ngu si che lấp, cũng thông với Bồ-tát Đại bi, vì được đại trí đại bi huân tập. A-điên-đề-ca gọi là Tất cánh vì rốt ráo không có tánh Niết-bàn, người không tánh này cũng được hai tên trước. Hai hạng trước dài lâu sẽ thành Phật, hạng sau ắt chẳng thành. Kinh Lăng-già chỉ nói đủ hai tên trước có tánh xiển-đề. Luận Trang Nghiêm nói luôn hai thứ xiển-đề có tánh và không tánh. Luận Du-già và kinh Lăng-già thì nói hai hạng đoạn thiện quả cũng ắt sẽ thành, vì hiện tại họ chưa trở thành người đoạn thiện căn. Kinh Lăng-già nói Đại bi do hiện tại nhất định thành quả cho nên ắt không thành, vì chúng sinh giới không có lúc cùng tận. Không có chủng tánh là hiện tại và tương lai rốt ráo cả hai đều chẳng thành. Hợp kinh và luận thì xiển-đề có ba: một là đoạn thiện căn; hai là Đại bi; ba là không có tánh. Khởi hiện hành, tánh có nhân có quả. Do ba hạng người này và bốn tánh bốn câu trước phân biệt:

1. Nhân thành quả chẳng thành, gọi là xiển-đề đại bi.
2. Quả thành nhân chẳng thành, gọi là xiển-đề có tánh đoạn thiện.
3. Nhân quả đều chẳng thành, gọi là xiển-đề không tánh, Nhị thừa định tánh.
4. Nhân quả đều thành, gọi là đại trí tăng thượng, chẳng đoạn thiện căn mà thành Phật.

Tóm lại, kinh Niết-bàn căn cứ phần ít tất cả trong lý tánh và hạnh tánh, chỉ nói có một. Nhiếp luận căn cứ có tánh, căn lợi độn để nói rõ

chỉ phân thượng hạ, kinh Thiện Giới y cứ có không mỗi loại riêng biệt, nói hai tánh có không. Lại nữa, kinh Niết-bàn y cứ có tánh lợi độn để phân làm hai, không tánh làm một, nên bị lỗi phân làm ba. Kinh Pháp Hoa giáo hóa chẳng định, chẳng phân biệt riêng. Tổng tướng nói ba, Bát-nhã nói thừa hỏi vào đạo, nói có tánh, chẳng phải không tánh. Kinh Thắng Man dụ như mang vắc bốn thứ, ẩn tánh chẳng định, vì chung theo riêng chẳng vượt ba loại. Kinh Lăng-già ý cứ có tánh để biện sẽ thành và chẳng thành, tuy nói có năm, chẳng nói không có tánh. Trong luận Trang Nghiêm riêng phân biệt đầy đủ tánh của nhân quả đều chẳng hiện hành. Thứ năm lia hai, chẳng nói đại bi. Luận Du-già luận chung có tánh không tánh của các loại chúng sinh, tuy bày năm thứ mà trong loại thứ năm chẳng nói Đại bi và đoạn thiện. Đại thừa có tánh, phần đông thừa nhận. Định tánh Nhị thừa và không có tánh, mọi người chấp nhận chẳng đều. Như luận Du-già quyển 67, Quyết Trạch phân nói.

Hỏi: Vì sao kinh Lăng-già chẳng nói không có tánh, luận Du-già chẳng nói Xiển-đề đại bi?

Đáp: Về căn cơ tiếp nhận sự giáo hóa thì thời và chúng mỗi riêng khác. Kinh Lăng-già hiển bày Bồ-tát Đại bi là tánh thứ năm, do năm thứ chủng tánh đều nói có nên ẩn không có tánh trong năm tánh mà không luận. Luận Du-già y cứ lý năm tánh loại sai biệt, giả sử đoạn thiện là vào trong tánh trước, căn cứ dụng tuy không có chủng nhưng Thể thì có, Đại bi đại thiện thì trong loại thứ nhất hoặc thứ tư, chỉ nói không có tánh là ở trong tánh thứ năm, do đó chẳng nói Bồ-tát Đại bi. Quyết Trạch quyển 67, có năm vạn hỏi hữu tình không có tánh:

1. Vạn hỏi nói không nghi khởi.
2. Vạn hỏi hữu tình không căn.
3. Vạn hỏi các cõi chuyển như nhau.
4. Vạn hỏi nên đủ các cõi.
5. Vạn hỏi không nên chuyển có.

Đáp, tức có sáu:

1. Đáp giáo lý đều trái
2. Đáp giả thiết chẳng phải thông lệ
3. Đáp chẳng phải dụ trái lý
4. Đáp bình đẳng dụ không riêng biệt
5. Đáp trái pháp chẳng đồng đều
6. Đáp giả sử chuyển chẳng thành

Nghĩa là có vạn hỏi rằng: Vì sao mà có rốt ráo không pháp Niết-bàn ư? Nên hỏi vạn lại họ là: Các loại hữu tình các thứ giới tánh, vô

lượng giới tánh, hạ liệt giới tánh, thắng diệu giới tánh là có hay là không? Nếu nói có là không có rốt ráo, không pháp Niết-bàn là chẳng xứng hợp đạo lý. Đây cũng trái lý, thì Duy thức nói có tánh Pháp nhĩ, không đây thì chẳng vậy. Nếu nói không là trong kinh nói các loại hữu tình có các thứ giới tánh cho đến thắng diệu giới tánh, chẳng xứng hợp đạo lý. Đây cũng trái kinh, không có tánh tức là hạ liệt giới nhiếp. Lại có vấn đề hỏi rằng: Hữu tình tuy có các thứ giới tánh cho đến thắng diệu giới tánh, mà nói hữu tình có căn không căn, như là không pháp Niết-bàn, tại sao chẳng phải như vậy? Hoặc nên thừa nhận hữu tình có căn không căn? Nên hỏi lại rằng: Các không căn ấy là hữu tình hay phi hữu tình? Nếu là hữu tình thì ngoài vật không căn, nên là hữu tình, giả thiết làm vấn đề, chẳng phải chỗ kể khác thừa nhận. Nếu chẳng phải hữu tình mà nói, sao chẳng thừa nhận hữu tình có căn không căn là chẳng xứng hợp đạo lý? Tánh chẳng phải không căn, làm sao lấy làm vấn đề? Lại có vấn đề hỏi rằng: Như làm Sát-đế-lợi rồi sau làm Bà-la-môn, Phệ-xá, Nhung-đạt-la, như vậy cho đến làm Na-lạc-ca rồi hoặc cho đến làm trời. Như vậy, tại sao chẳng làm không có pháp Niết-bàn rồi, lúc sau lại làm có pháp Niết-bàn ư? Nên hỏi vấn đề lại rằng: Các loài cùng chuyển là có tất cả cõi hay riêng có một ư? Nếu có tất cả, thì dù chẳng tương tự, nó không phải tất cả nên chẳng phải dụ. Nếu riêng có một, trước là Sát-đế-lợi v.v... mới là chuyển làm các loại khác, chẳng xứng hợp đạo lý, vì trái với Chánh lý. Lại có vấn đề hỏi rằng: Như Sát-đế-lợi v.v... đủ tất cả cõi, như vậy không có pháp Niết-bàn, tại sao chẳng có pháp giới Niết-bàn? Nên hỏi vấn đề lại rằng: Có cõi không cõi là hỗ tương trái nhau hay chẳng vậy? Nếu hỗ tương trái nhau mà nói không có pháp, tại sao chẳng có pháp Niết-bàn chẳng xứng hợp đạo lý? Vì hỗ tương trái nhau, nếu chẳng hỗ tương trái nhau thì hữu tình đây là không, cũng có pháp Niết-bàn chẳng xứng hợp chánh lý, vì không thể riêng biệt. Lại có vấn đề hỏi rằng: Hiện thấy một nơi có một thời gian không có chủng tánh vàng, hoặc có lúc thì có, cho đến một lúc không chủng tánh muối, hoặc có lúc thì có, hoặc ở một lúc có tánh các cõi hoặc có lúc thì không. Như vậy, trước không có chủng tánh pháp Niết-bàn, tại sao chẳng ở một lúc thành chủng tánh có pháp Niết-bàn? Nên hỏi vấn đề lại họ rằng: Như một nơi trước không có tánh này, sau có tánh này. Hoặc trước có tánh này, sau không có, như vậy trước có chủng tánh Thanh văn, sau đó không có tánh đó, cho đến trước có chủng tánh Đại thừa, sau đó không có tánh đó, trước có tánh bất định, sau không có tánh ấy ư? Nếu nói như vậy là thuận giải thoát thiện nên rộng rang không có quả. Lại, nếu như vậy thì

lập chủng tánh định chẳng xứng hợp đạo lý. Nếu chẳng như vậy thì ông nói trước trụ không tánh, sau trụ có tánh. Như một nơi có chủng tánh là trước trụ có tánh sau trụ không tánh, thì nơi đó chẳng xứng hợp đạo lý. Lại nên trách họ không có pháp Niết-bàn hạ liệt giới là vì đời nay chuyển thành có tánh là ở đời sau. Nếu là đời nay gặp duyên kia rồi ở trong hiện pháp, là có thể khởi thuận giải thoát phần thiện hay là không thể? Nếu nói có thể là hiện khởi thiện căn mà nói không có tánh chẳng xứng hợp đạo lý. Nếu nói không thể, họ gặp duyên tốt hiện pháp không thể khởi thuận giải thoát thiện, mà nói chuyển thành pháp Bát Niết-bàn là chẳng xứng hợp đạo lý. Nếu nói đời sau mới thành có tánh, là đời trước họ chứa nhóm thiện căn, đời sau gặp duyên mới khởi thiện kia, là trước chẳng chứa nhóm. Nếu nói trước chứa nhóm, ở đời này họ gặp ngay duyên tốt năng khởi thiện căn, mà nói đời sau mới thành có tánh là chẳng xứng hợp đạo lý. Lại, như nhân kia nên rộng rang không có quả, nếu trước chẳng chứa nhóm thì người này trước sau tương tự đều chứa nhóm chứa thiện, mà nói đời sau mới thành có tánh chẳng phải đời nay là chẳng xứng hợp đạo lý.

Chứng Nhị thừa định tánh như phẩm Mười Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm quyển 40 ghi: “Phật tử! Vị đại Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất lúc sắp mạng chung, có mười thứ quả hiện. Quả thứ ba là ở trong bàn tay phải phóng ánh sáng lớn gọi là thanh tịnh cảnh giới, đều khéo nghiêm tịnh đại thiên thế giới. Trong thế giới đây nếu có các Bích-chi-phật Vô lậu rõ biết ánh sáng đó, liền xả bỏ thọ mạng mà vào Niết-bàn. Nếu chẳng rõ biết thì cũng nhân sức ánh sáng đó mà chuyển đời đến trong các thế giới khác ở phương khác”. Trong luận Trang Nghiêm quyển 1 ghi: “Các hạng người khác thiện căn Niết-bàn có lúc hết, còn thiện căn của Bồ-tát thì không như vậy”. Lại nói: “Chúng sinh ba Thừa do cội sai biệt, nên chủng tánh sai biệt”. Kinh Niết-bàn ghi: “Ở trong kinh, ta vì các Tỳ-kheo nói một Thừa một đạo một hạnh một duyên. Một Thừa như vậy cho đến một duyên, khéo vì chúng sinh làm Đại tịch tĩnh, trọn đoạn tất cả ràng buộc, sầu khổ, khổ và khổ nhân, khiến tất cả chúng sinh đến một cội. Các đệ tử Ta nghe nói vậy rồi, chẳng hiểu ý Ta mà xướng rằng Như Lai nói Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán đều được Phật đạo”. Lại Nhiếp Đại Thừa làm mười nghĩa nên nói một Thừa, dẫn nhiếp tánh bất định. Lại, trong luận Pháp Hoa nói bốn thứ Thanh văn, là không vì thú hưởng tịch tĩnh thọ ký. Kinh Lăng-già, luận Du-già có tánh sai biệt như vậy rất nhiều. Lập lượng rằng: Quả của Nhị thừa đáng lý phải có định tánh, vì thừa này bao hàm khắp như Đại thừa.

Người không chững tánh chứng như kinh Niết-bàn quyển 36 ghi: “Này thiện nam tử! Nếu nói tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, người như vậy gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói tất cả nhất định không có Phật tánh, người ấy cũng gọi là phỉ báng Phật pháp tăng”. Lại, trong kinh Niết-bàn ghi: “Thí như người bệnh, họ có ba thứ: một, nếu gặp thầy hay thuốc tốt hoặc chẳng gặp hẳn sẽ được lành; hai, nếu gặp thì lành, chẳng gặp thì không lành; ba, gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể lành. Như vậy, thứ nhất là định tánh Đại thừa, kế tiếp là bất định tánh và thứ ba là định tánh Nhị thừa và không có tánh”. Lại, trong kinh Niết-bàn ghi: “Này thiện nam tử! Tranh cãi như vậy là cảnh giới Phật, chẳng phải chỗ các Thanh văn Duyên giác biết được. Nếu người nào đối với đây sinh tâm nghi ngờ là còn có thể dẹp hoại vô lượng phiền não như núi Tu-di, nếu đối với đây sinh khởi quyết định, đó gọi là chấp trước, chấp trước như vậy, chẳng gọi là thiện”. Lại, cũng trong quyển 36 ghi: “Này thiện nam tử! Tuy ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, chúng sinh chẳng hiểu Phật như vậy v.v... là tùy tự ý nói. Này thiện nam tử! Nói như vậy là Bồ-tát hậu thân còn chẳng thể hiểu, huống gì hàng Nhị thừa hay các Bồ-tát khác”. Lại, bảy người nói về sông Hằng, người thứ bảy thường chìm đắm. Lại, trong kinh Thiện Giới Phẩm Chủng Tánh ghi: “Người không chững tánh tuy là phát tâm chuyên hành tinh tấn, trọn chẳng thể được Vô thượng Bồ-đề”. Lại, kinh kia ghi: “Người không chững tánh chỉ do thiện căn trời người mà thành tựu”. Lại trong luận Trang Nghiêm nói pháp không Niết-bàn có hai: một là Thời biên, hai là tất cánh (rốt ráo), như trước đã nói. Lại, trong kinh Thắng Man ghi: Chúng sinh lìa thiện tri thức không nghe phi pháp, do thiện căn trời người mà thành tựu đó v.v... Trong kinh Kim Cang ghi: Mao đạo sinh, nay gọi là Ngu phu sinh. Tiếng Phạm gọi là Bà-la, Hán dịch là Ngu phu, vốn sai nhầm là Phược-la, mới nói là Mao đạo. Vô Tánh lập lượng rằng: Chỗ gọi là không tánh, quyết định nên có, có không hai tánh tùy một nhiếp. Như có tánh là, hoặc chỗ Thánh nói, như nói có tánh, trong các kinh luận, hoặc chỉ có chánh tông, không phần tựa và lưu thông, như luận Du-già v.v... hoặc chỉ có phần đầu và giữa mà không phần sau, như luận Hiển Dương v.v... Hoặc chỉ có phần giữa và sau không có phần đầu, như Tập luận, Nhị Thập Duy Thức v.v... hoặc ba phần đều có, như luận Thành Duy Thức v.v... Bản của pháp sư Chân Đế phiên dịch Nhị Thập Duy Thức, ba phần đều có, bản của Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch và bản của Đại Đường (Pháp sư Huyền Trang) đồng không phần đầu mà chỉ có hai phần còn lại, không chỉ phần đầu và sau mà không cả

phần giữa, vì người tạo luận hẳn có chỗ nói rõ.

Giải thích nghĩa “khể thủ”, như trong chương đó giải thích. Trong giải thích các quy kính Tam bảo, chỉ có quy Phật, chẳng có pháp Tăng, như kinh Địa Trì bản Cựu dịch ghi: “Kính lễ quá khứ vị lai và đời hiện tại tất cả Phật Thế Tôn”. Trong luận Phát Bồ-đề Tâm ghi: “Kính lễ không ngần mé, khứ lai hiện tại Phật, Trí chẳng động như Không, Đại bi Tôn cứu thế”. Bài tụng đầu quy kính Phật trong luận Câu-xá cũng chỉ có kính Tăng mà chẳng có Phật và pháp. Như luận Biện Trung Biên ghi: “Kính lạy tạo luận này, chỗ thể Thiện Thệ sinh, và thầy dạy ta thầy, sẽ chuyên bày nghĩa đây”, chỉ không có kính pháp. Mở đầu Nhị Thập Duy Thức bản Cựu dịch chỉ quy kính Phật pháp, ghi: “Tu đạo chẳng cùng khác, năng nói nghĩa không đồng, đánh lễ lý Đại thừa, sẽ nói lập và phá”, chỉ có kính lễ Phật và tăng mà không kính pháp, như luận Thập Trụ của Long Thọ ghi: “Kính lễ tất cả Phật và các chúng Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật, vô ngã và ngã sở”, chỉ có kính lễ Pháp và Tăng mà không kính Phật. Như luận Kim Cang Bát-nhã của Thế Thân ghi: “Pháp môn cú nghĩa và thứ đệ, thế gian chẳng hiểu lừa mình tuệ, đại trí thông đạt dạy ta thầy, quy mạng thân vô lượng công đức”. Trong luận Tạp Tâm của Pháp Cứu cũng ghi: “Kính lễ tôn pháp thắng, chỗ nói ta đánh thọ, ta Đạt-ma-đa-la, nói kia chưa từng nói”. Đây đều là kính lễ luận chủ và luận được tạo”. Có kính lễ cả Tam bảo, tức các bộ luận Hiền Dương, Đối Pháp, Nhiếp Đại Thừa, Phật Địa và luật Tứ Phần v.v... như vậy rất nhiều. Trong kính lễ Phật, chỉ có kính lễ Pháp thân mà không hai thân còn lại, như bài tụng quy kính đầu tiên trong luận Bát-nhã Đăng. Đầu kinh Lăng-già ghi: “Quy mạng biển Đại trí, Phật Tỳ-lô-giá-na”. Đây tuy chỗ đặt của kinh chủ, chỉ kính lễ Pháp thân. Trong kinh Niết-bàn ghi: “Nếu năng chấp Tam bảo thường trụ đồng chân đế, Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng”. Trong kinh Thắng Man lại ghi: “Quy y nói đạo Nhất thừa, pháp và chúng ba Thừa”. Hai thứ đây chẳng phải quy y rốt ráo. Nếu có chúng sinh được Như Lai điều phục, cho đến quy y Pháp Tăng là hai quy y chẳng phải hai quy y, là quy y Như Lai. Tại sao? Vì không khác Như Lai, không khác hai, quy y Như Lai tức ba quy y. Đây là Như Lai chính là Sư Tử Hống, chỉ có kính lễ thân thọ dụng mà không lễ hai thân còn lại, như trong luận Phát Bồ-đề Tâm nói. Chỉ kính lễ Thật trí thật bi của Phật, chỉ kính lễ Hóa thân mà không hai thân còn lại, như Bảo Tích ghi: “Mất tịnh tu rộng lớn như hoa sen sinh v.v...”. Có kính lễ Báo thân và Hóa thân mà không có Pháp thân, như kinh Địa Trì bản Cựu dịch ghi: “Kính lễ đời quá khứ vị lai, hiện tại tất cả Phật

Thế Tôn”. Có kính lễ đủ cả ba thân, như luận Hiển Dương ghi: “Thiện Thệ, Thiện Thuyết, diệu ba thân”. Luận Đối Pháp, luận Phật Địa mở đầu kính lễ đều đồng. Có đồng thể Tam bảo, như ở kinh Niết-bàn, kinh Thắng Man nói. Có thông cả đồng thể và biệt thể, như luận Đối Pháp v.v... nói. Không chỉ kính lễ biệt thể, chẳng phải đồng thể và chỉ kính lễ Nhập trì tam bảo.

Trong kính lễ Phước điền lại có ba giải thích: một, kính lễ Niết-bàn mà chẳng phải Bồ-đề; hai, kính lễ Bồ-đề mà chẳng phải Niết-bàn; ba, đều kính lễ cả Bồ-đề và Niết-bàn. Thứ nhất, kính lễ Niết-bàn mà chẳng phải Bồ-đề là Niết-bàn có bốn nghĩa: Thể tánh tuy tịnh mà tại thiên, gọi là nhân phần. Phần, tức là vị. Nay chỗ kính lễ ý quy hướng mãn vị, lấy tánh Chân như làm nơi mê ngộ nương tựa, mê nên sinh tử, ngộ nên Niết-bàn. Có xả có đắc, chân tuy tánh tịnh, lúc lia tạp nhiễm, giả nói là mới tịnh, gọi là chuyển y, tuy cũng đắc Bồ-đề, mà nay chẳng phải chỗ kính lễ. Ở quyển 9 ghi: “Hàng Nhị thừa mãn vị, gọi là thân giải thoát, tại đại Mâu-ni, gọi là Pháp thân”. Nay Duy thức tánh là mãn phần tịnh, gạt bỏ ở nhân vị, chẳng gọi là Pháp thân. Lại, Niết-bàn đây tùy giả thật đó, gồm có bốn thứ: Duy thức tánh và tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Mãn thanh tịnh là hai thứ Niết-bàn Hữu dư và Vô dư, cốt yếu lúc quả viên mới chứng đắc. Phần thanh tịnh tức là Vô trụ xứ Niết-bàn, thừa nhận quả vị Thập địa đã chứng đắc. Niết-bàn tuy có bốn, thể gần Chân như. Lại, văn luận sau ghi: Lại vì mở bày làm chấp ngã pháp, mê Duy thức, khiến đạt hai Không, đối với lý Duy thức, như thật biết”. Đây vì Chân như, mê ngộ nương tựa nên thiên lệch kính lễ. Lại, Niết-bàn của Nhị thừa chỉ mượn Trạch diệt, Đại Bát Niết-bàn, ba sự viên mãn. Ba sự có hai:

1. Thể có ba, gọi là ba sự.

2. Nghĩa có ba gọi là ba sự, trí tuệ năng quán, Pháp thân sở quán, lia các ràng buộc, gá nhờ trạch diệt v.v... gọi là giải thoát, gọi là thể có ba sự.

Tuệ bản tánh trên một Chân như nên gọi là Ma-ha-bát-nhã, quả vị của xuất triền, công đức pháp vốn gọi là Pháp thân. Tánh lia sinh tử ràng buộc, gọi là giải thoát. Nghĩa trên một thể có ba nên gọi là nghĩa, ba sự tùy chỗ ứng đó, Nhị thừa chỉ được một giải thoát, ba Thừa đồng tòa. Nay quy kính Đại Bát Niết-bàn, gọi là Mãn phần tịnh. Tiếp đến, quy kính Bồ-đề mà chẳng phải Niết-bàn là Bồ-đề tức là pháp phẩm của bốn trí. Hai trí tại nhân có được, đó là trí Diệu quán và Bình đẳng, hai trí còn lại có được trong quả, nói chung là đã được nhân Bồ-đề. Nay

hiển bày chỗ kính lễ, ý lấy ở mãn phần, tuy thông quả vị Nhị thừa. Nay lấy Đại thừa hai chương đều hết gọi là thanh tịnh, vì Bồ-tát ý thú Bồ-đề mà không thú hưởng Niết-bàn. Do đó, đoạn chương chỉ đoạn Sở tri chương, vẫn còn Phiền não chương. Niết-bàn thông được, Bồ-đề riêng thành, nay hiển bày chỗ kính lễ khác với Nhị thừa và hiển bày đặc quả khác với Nhị thừa, nên chỉ kính lễ Bồ-đề mà chẳng kính lễ Niết-bàn. Bài tụng trong Nhiếp luận ghi:

*“Phiền não núp chẳng diệt
Như chú độc làm hại
Còn Hoặc đến Hoặc hết
Chứng Nhất thiết trí Phật”.*

Nay luận nói Duy thức tánh, đây là Bồ-đề sự Duy thức tánh, cũng tức là Chân như, hiển thể tánh sở chứng của Bồ-đề, mà ý lấy người năng chứng Bồ-đề. Lại, Bồ-đề thông cả trí nhân quả. Hai trí trong nhân là phần thanh tịnh, hai trí trong quả là mãn thanh tịnh nên đều quy kính và sau cùng là quy kính cả Bồ-đề và Niết-bàn. Duy thức tánh là Niết-bàn, Mãn phần thanh tịnh là Bồ-đề, ý hiển bày Niết-bàn vốn tánh tịnh nên không nói Mãn phần. Đại Bồ-đề đó là pháp phẩm của bốn trí, nhân thời đã được mà chẳng tròn sáng, nay chỉ lấy quả mãn phần tịnh nên mỗi mỗi riêng khác. Phần thứ chín ở sau ghi: “Do luôn tu tập trí không phân biệt, đoạn hai chương thô trọng của bản thức, nên khéo chuyển bỏ Biến kế sở chấp trên Y tha khởi, và khéo chuyển đặc tánh Viên thành thật trong Y tha khởi. Do chuyển phiền não đặc Đại Niết-bàn, chuyển Sở tri chương chứng Vô thượng giác, thành lập Duy thức, ý vì hữu tình chứng đặc hai quả chuyển y như đây, nên nay quy kính”. Ở đây muốn nói, Thích luận chỉ kính lễ hai quả Bồ-đề và Niết-bàn, chẳng kính lễ gì khác, nên lời tựa trong đoạn sau ghi: “Đoạn chương là đặc hai quả thù thắng”. Cho đến nói rộng là do đã chứng ở trước, nên luận sư này mới tạo luận. Nay Thích luận ý kính lễ phải đồng, tức lấy sở thú hưởng làm pháp sở kính, nếu chẳng kính tức là chẳng thú hưởng. Tuy có bảy giải thích quy hướng kính điền, nhưng nương nghĩa gốc, chỉ lấy nhân mà chẳng phải pháp trong bốn giải của sơ, bản và thích hai sư, vì Duy thức tánh trong chuyển thanh thứ bảy nói là thanh chứ không phải chỗ nương của thanh, vì tiếng thứ bảy thông cả căn cảnh. Đây là năng sai biệt, Mãn phần tịnh là làm sở sai biệt. Nói trong chuyển thứ tư, vì tất cả chỗ kính lễ đều lấy chỗ thứ tư làm thanh, nếu Duy thức tánh thì chỗ kính lễ cũng phải thuộc về chuyển thứ tư. Nhưng y cứ Tô-mạn-đa thanh thì có tám chuyển:

1. Nễ-lợi (hai chữ trên hợp thanh) ĐỀ-thế (Hán dịch là Thể thanh, cũng gọi là Phiếm thuyết thanh);
2. Ô-ba-đề-xá-ni (Hán dịch là Nghiệp thanh, cũng gọi là sở thuyết thanh);
3. Yết-điệt-lợi (hai chữ trên hợp thanh) La-nê (Hán dịch là Năng tác cụ thanh, cũng gọi là năng thuyết thanh);
4. Tam-bát-la (hai chữ trên hợp thanh) Đà-nễ-kê (Hán dịch là Sở vi thanh, cũng gọi là sở dữ thanh);
5. Bao-ba-đà-nê (Hán dịch là Sở tùng thanh);
6. Sa-nhĩ-bà-giả-nể (Hán dịch là Sở thuộc thanh);
7. San-nễ-đà-na-la-thê (hai chữ trên hợp thanh, Hán dịch là Sở y thanh);
8. A-mạn-đát-la (hai chữ trên hợp thanh) Nê (Hán dịch là Bình thanh).

Tổng cộng có tám chuyển, trong đây mỗi mỗi tiếng của một lời hai lời nhiều lời, hợp có hai mươi bốn tiếng. Lại có tiếng nam, tiếng nữ, tiếng phi nam phi nữ, lại mỗi thứ có hai mươi bốn, hợp cả tổng và biệt có chín mươi sáu tiếng. Tiếng nam tám chuyển là:

1. Bà-bà-na.
2. Bà-đa-na-đảm.
3. Bà-bà-đa.
4. Bà-bà-đê.
5. Bà-ba-đa-bao.
6. Bà-bà-na-đa-a.
7. Bà-bà-để.
8. Chuyển đầu tiên ở trên thêm chữ Hê.

Tiếng nữ tám chuyển là:

1. Bà-bà-na-đế.
2. Bà-bà-na-để-ma.
3. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ trên hợp thanh).
4. Bà-bà-na-đới.
5. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ hợp) bao.
6. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ hợp) tăng.
7. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ hợp) ma.
8. Chuyển đầu tiên ở trên thêm chữ Hê.

Tiếng phi nam phi nữ tám chuyển là:

1. Bà-bà-đa.
2. Bà-bà-đa.

Chuyển thứ ba ở dưới hơi gần tiếng nam, đã không có chữ riêng biệt do đó chẳng phát ra. Các chữ cước chú trên v.v... là y cứ tứ thanh mà gọi. Chú thích chữ “phản” là dùng phương pháp phiên chữ mà đọc, chú thích “hai hợp” là hai chữ đọc liền tiếng, chú thích “khinh trọng” là tùy khinh thanh hay trọng thanh mà đọc, trong đó cũng có toàn tiếng nửa tiếng, sợ dài dòng nên không trích ra đây, những chữ “Bà” đều đọc theo thượng thanh. Nhưng luận Du-già quyển 2, bảy chuyển thanh cũng gọi là bảy câu ví dụ, y cứ trong một tiếng nam, chỉ nêu bảy chuyển của một trường phu, trừ cách gọi thứ tám. Trước là tổng mục tất cả trong tiếng nam nên đây chẳng đồng. Luận kia cũng gọi là Thất ngôn luận cú:

1. Bồ-lô-sa (hiệp phu thể).
2. Bồ-lô-sam.
3. Bồ-lô-tư-noa.
4. Bồ-lô-sa-da.
5. Bồ-lô-sa-đa.
6. Bồ-lô-sát-bà.
7. Bồ-lô-sát.
8. Thứ tám thêm tiếng gọi là Hê-bồ-lô-sa.

Nếu nói Mê-phú-đế là thể riêng của tiếng nữ. Nếu nói Nạp-phùng-sách-ca là thể riêng của tiếng phi nam phi nữ. Nhưng có riêng đặt đế, chỉ là bảy chuyển. Thứ tám mới là hô thanh của Phiếm nhĩ, lại không nêu riêng.

Duy thức tánh nói cảnh thứ bảy, lược có hai giải thích:

1. Nương ba tánh.
2. Nương hai đế.

Nương ba tánh là Duy thức luận quyển 9 ghi: “Duy thức tánh, lược có hai thứ: một là hư vọng, nghĩa là kế sở chấp; hai là chân thật nghĩa là tánh Viên thành thật. Lại có hai thứ:

1. Thế tục nghĩa là Y tha khởi.

2. Thắng nghĩa nghĩa là Viên thành thật, nên biết ba tánh đều gọi là Duy thức tánh”.

Ba tánh có hai thể:

1. Môn thường và vô thường; thường là Viên thành, chỉ cho Chân như, tất cả hữu vi đều y tha khởi.

2. Môn Hữu lậu Vô lậu.

Tất cả Vô lậu đều Viên thành thật, các pháp Hữu lậu đều y tha khởi. Bồ-đề Niết-bàn đều viên thành, như quyển 8 có luận về điều này.

Y cứ ba tánh đầu tiên lược có mười lớp:

1. Chỉ nói Chân như là viên thành, gọi là bản thật tánh, chứng thanh tịnh đây gọi là nội chứng tịnh;
2. Tổng nói Vô lậu là viên thành, Bồ-đề Niết-bàn đều là Duy thức tánh, gọi là Bồ-đề tánh, được ngộ tịnh, Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề;
3. Tổng nói Hữu vi y tha, sự thức tánh, ngộ tục tịnh;
4. Chỉ nói Hữu lậu y tha. Huyền thức tánh, đoạn trừ tịnh;
5. Chỉ nói sở chấp, vọng thủ tánh, khiến trừ đoạn tịnh;
6. Viên thành đối y tha, chân tục tánh, đoạn được tịnh;
7. Viên thành thật đối sở chấp, chân vọng tánh, khiến trừ chứng tịnh;
8. Do y tha khởi đối sở chấp, tâm cảnh tánh, khiến trừ đoạn tịnh;
9. Do viên thành đối y tha sở chấp huyền thật tánh, thủ xả tịnh;
10. Do viên thành y tha đối sở chấp, không hữu tánh, khiến trừ ngộ tịnh.

Chỉ không do viên thành sở chấp đối y tha làm Duy thức tánh, vì cách vượt. Lại, lý không như vậy, y cứ hai Đế sau biện Duy thức tánh. Luận Du-già quyển 64 ghi: “Thế tục có bốn: một là Thế gian thế tục; hai là Đạo lý thế tục; ba là Chứng đắc thế tục; bốn là Thắng nghĩa thế tục”. Duy Thức quyển 9 ghi: “Thắng nghĩa đế có bốn: một là Thế gian thắng nghĩa; hai là Đạo lý thắng nghĩa; ba là Chứng đắc thắng nghĩa; bốn là Thắng nghĩa thắng nghĩa”. Nay, lược làm ba loại: một là tổng biệt tương đối; hai là các biệt khác tương đối; ba là các tổng khác tương đối; bốn lớp hai Đế như trong chương đó giải thích.

Thứ nhất: Tổng biệt tương đối, làm thành bốn câu:

1. Vì tục tổng đối chân biệt có một câu, vượt quá bốn tục của chân chỉ có một sau. Nghĩa là an lập, chẳng phải an lập Duy thức tánh.
2. Vì tục biệt đối chân gồm có bốn câu, chân của thắng tục cả bốn đều là:
 - a. Vì tục đầu tiên đối bốn chân khiến trừ ngộ tánh.
 - b. Vì tục thứ hai đối ba chân, đoạn tri tánh.
 - c. Vì tục thứ ba đối hai chân, giải tu hành.
 - d. Vì tục thứ tư đối một chân, giác chứng tánh;
3. Vì tục tổng đối chân, gồm chỉ có một câu, nghĩa là chân tục Duy thức tánh;
4. Vì tục biệt đối chân, biệt có bốn câu: Mỗi mỗi lần lược mỗi mỗi trông nhau làm bốn câu:

- a. Tâm cảnh tánh.
- b. Sự lý tánh.
- c. Biệt tổng tánh.
- d. Chứng chỉ tánh.

Tục thứ nhất làm cảnh, chân thứ nhất làm tâm. Tục thứ hai làm sự, chân thứ hai làm lý. Tục thứ ba làm biệt, vì lý bốn Đế, chân thứ ba làm tổng, vì lý hai Không. Tục thứ tư làm thuyên, y cứ Không môn, chân thứ tư làm chỉ, phước thuyên luận. Tương đối như vậy, hợp thành mười câu.

Thứ hai, các biệt khác tương đối có hai loại: Loại một có bốn câu, nghĩa là vì tục thứ nhất đối Chân như, gọi là vọng như. Vì tục thứ hai đối gọi là sự như, vì tục thứ ba đối, gọi là lý như, vì tục thứ tư đối gọi là quán như. Loại hai có mười câu, nghĩa là vì tục thứ nhất đối bốn biệt chân làm bốn câu, vì tục thứ hai đối ba biệt chân làm ba câu, vì tục thứ ba đối hai biệt chân làm hai câu, vì tục thứ tư đối một biệt chân làm một câu. Như vậy hợp có mười bốn câu.

Thứ ba, trong các tổng khác tương đối có ba loại:

1. Vì hai tục đối chân có mười câu, vì hai tục thứ nhất biệt đối một trong chân có ba câu, chẳng đối chân thứ nhất, tức tục thứ hai, Thắng tục gọi là chân, vì nó đồng đều, tức vì hai tục đây đối hai chân có hai câu, cũng trừ chân thứ nhất, vì hai tục đây đối ba chân có một câu, như vậy hợp có sáu câu. Tiếp theo, vì tục thứ hai thứ ba đối một trong chân có hai câu, đối hai trong chân có một câu, không đối ba là vì cũng ngang bằng. Như vậy hợp có ba câu. Tiếp theo, vì tục thứ ba thứ tư đối chân chỉ một câu, các chân khác ngang bằng và thể kém nên chẳng thể làm câu.

2. Vì ba tục đối chân có bốn câu, nghĩa là vì ba tục thứ nhất đối chân một có hai câu, đối chân hai có một câu, trừ tục thứ nhất. Vì ba tục sau đối chân cũng chỉ một câu.

3. Vì bốn tục đối chân có một câu, chẳng đối ba chân trước, như vậy hợp có mười lăm câu, mỗi mỗi có tên riêng, sợ dài dòng nên tạm dừng ở đây, người trí cần tư duy.

Hai đế như vậy hợp có ba mươi chín câu Duy thức tánh, và trong ba tánh hợp có bốn mươi chín câu, không có vì tục đối chân khoảng giữa cách vượt làm câu, cũng không vì chân đối tục ngang bằng và kém pháp làm câu, bởi liền trở thành chẳng phải thắng nghĩa. Nếu thể không tức là tịnh khiển trừ, Hữu lậu tức là tịnh đoạn. Vô lậu là được ngộ tịnh, tùy theo đó mà biết đủ. Duy thức đây v.v... đều năng sai biệt, là cảnh của sở quy, sai biệt ở hai tịnh mãn phần. Nếu chỗ quy kính là Duy thức

tánh, chỉ lấy tánh vốn thật thứ nhất trong ba tánh và tánh BỒ-đề thứ hai, chẳng phải lấy tất cả, ngoài ra chẳng phải đáng kính.

Hai câu tụng sau trong ý tạo luận lược có năm câu:

1. Chỉ vì pháp mà chẳng vì nhân, muốn khiến pháp nghĩa phải rộng lưu truyền, tuy luận nói phô lợi lạc hữu tình. Hữu tình lợi lạc, khiến pháp chẳng diệt, vì câu dưới thích câu trên, như nói “hữu tình nương giáo tu hành, chũng tánh Tam bảo chẳng đoạn tuyệt”. Do đây, trong luận nói: “Nay nói pháp Tỳ-ni, khiến chánh pháp trụ lâu”. Chẳng nói sự lợi sinh.

2. Chỉ vì hữu tình, chẳng vì chánh pháp, BỒ-tát tu hành vốn vì lợi sinh, tuy thích kia nói ý vì lợi lạc các hữu tình, nên hiển bày câu trên giải thích câu dưới. Trong luận Hiển Dương nói “Hiển Dương Thánh giáo từ bi”. Văn ước lược, nghĩa tròn đầy mà dễ hiểu.

3. Cả hai đều vì pháp lợi hữu tình, câu thứ ba thứ tư như lần lượt phối đó, nên trong luận Phật Địa ghi: “Vì pháp trụ lâu cứu quần sinh.”

4. Chỗ vì không trụ Niết-bàn, giải thích nói đại trí, lợi lạc đại bi, hai thứ huân tu nhanh chóng chứng đắc không trụ Niết-bàn. Sinh tử và Niết-bàn cả hai đều chẳng trụ. Nên luận Đối Pháp ghi: “Do ngộ Khế kinh và giải thích, bèn phát chánh cần và tham tổng”, ý đây là được không trụ Niết-bàn, cũng có thể nói cả hai chẳng phải nhân pháp.

5. Tự lợi lợi tha, khiến pháp trụ lâu, ba nghĩa nên tạo luận, giải thích nói khiến pháp trụ lâu, lợi lạc thêm cho kẻ khác, hai đây đã thi thiết tức là tự lợi nên trong luận Nhiếp Đại Thừa ghi: “Vì lợi tự tha, pháp trụ lâu”.

Ta lược giải thích luận Nhiếp Đại Thừa, nên lập năm ý mà tạo luận. Trong luận Du-già giải thích: “Nay nói luận đây, nguyên do thế nào? Nghĩa là có hai duyên nên nói luận này: một là vì chánh pháp trụ lâu nơi đời; hai là vì lợi lạc các hữu tình. Lại có hai duyên: một là giáo đã ẩn mất, khiến khai mở lại, chưa ẩn mất thì gấp bội hưng thịnh; hai là các hữu tình có tánh tu thiện được quả tự thừa, còn không tánh tu thiện được quả trời người. Hai giải thích trên tùy lần lượt đó phối hai câu bài tụng sau. Lại có hai duyên: một là đối với nói không, kinh chẳng liễu nghĩa, như nói chấp trước ghét ganh hữu giáo xả bỏ không kiến; hai là đối với nói Hữu Kinh chẳng liễu nghĩa, như nói chấp trước ganh ghét không giáo xả bỏ hữu kiến. Thích đây chỉ vì lợi ích hữu tình trừ hai kiến. Hoặc năng học sở học phân nhân pháp nên tùy hai câu giải thích. Lại có hai duyên: Một là vì chũng tánh BỒ-tát chỉ nương Đại thừa giáo, khắp ở các thừa văn nghĩa hạnh quả, sinh trí xảo tiện, đoạn chũng tu

thiện, chứng Bồ-đề Phật, cùng tận ngần mé ở tương lai thường hai lợi vậy; Hai là vì chủng tánh các thừa khác và kẻ không tánh, cũng nương đại giáo, mỗi mỗi ợ tự thừa văn nghĩa hạnh quả sinh trí xảo tiện, đoạn phục chướng tu tự thiện, ra khỏi ba cõi, vượt ác thú. Duy thức giáo đây cũng được nói là thú tất cả thừa, đầy đủ không và hữu. Đều có thể phối hai câu và có nhân pháp. Lại có hai duyên: một là vì hàng ngoại đạo Tiểu thừa ngu si do dự sinh tiên hiểu vậy; hai là vì đối với ý kinh, tâm mê lầm phỉ báng sinh tâm tin. Đây chỉ vì hữu tình, cũng có thể ngược lại thứ lớp phối xem. Lại có hai duyên: một là vì ưa vui lược siêu tu hàng, góp nhặt các kinh nghĩa pháp quảng yếu mà lược phân biệt; hai là vì ưa thích rộng siêng nói pháp, ở nơi mỗi mỗi pháp mở bày vô biên nghĩa riêng; Hai nghĩa đều thông cả pháp và nhân. Lại có hai duyên: Một là hiển bày thật tướng lập chánh luận vậy; Hai là trừ vọng chấp phá tà luận. Đây chỉ vì pháp, cũng có thể không vì nhân tức năng học. Lại có hai duyên: một là hiển bày Biến kế sở chấp tình có lý không, y tha viên thành lý có tình không, khiến bó tăng tích tổn giảm chấp; hai là hiển bày đạo lý, thế gian, chứng đắc, thắng nghĩa, pháp môn sai biệt, khiến tu hai Đế không hiểu biết điên đảo, đây chỉ vì pháp. Lại có hai duyên: một là vì khai mở Tùy chuyển lý môn chân thật, khiến biết hai tạng ba tạng chẳng trái nhau; hai là vì khai mở nhân duyên Duy thức không tướng lý môn Chân như, khiến tu quán hạnh có sai biệt. Lại có duyên: một là vì bày biện cảnh giới sai biệt, khiến biết tự tánh tướng trạng quả vị sai biệt của các pháp; hai là vì hiển bày tu hành sai biệt khiến biết ba Thừa phương tiện căn bản quả chứng sai biệt. Trong đây chỉ vì pháp mà chẳng phải nhân, cũng có thể thông cả nhân tức năng học. Tổng nói kệ tụng:

*“Pháp tình, khai, hữu không
Tánh thông và trong ngoài
Lược, bày đồng, ba bốn
Hai bốn, cảnh hạnh quả”.*

Sáu mươi hai thứ hữu tình, có kệ tụng:

*“Năm, bốn, ba, ba, bốn
Ba, hai, và ba, bảy Mười
chín, bốn, bốn một Nên
hữu tình là nhiều”.*

Năm nẻo là năm, bốn họ là bốn, nam nữ phi nam phi nữ là ba. Kém và diệu là ba. Tại gia xuất gia khổ hạnh phi khổ hạnh là bốn. Luật nghi chẳng luật nghi phi luật nghi phi chẳng luật nghi là ba. Là dục

chưa lia đục là hai, tà tánh định chánh tánh định chẳng định tự định là ba. Năm chúng xuất gia cận sự nam cận sự nữ là bảy. Người tập đoạn, người tập tụng, người tịnh khí, tuổi già, trung niên, tuổi trẻ, quý phạm sư, thân giáo sư, đệ tử cùng ở gần, khách, người làm việc chúng tăng. Người tham cung kính lợi dưỡng, người chán bỏ, người nghe hiểu, người phước trí lớn, người pháp tùy pháp hạnh, người trì kinh người trì luật, người trì luận là mười chín. Dị sinh, kiến đế, hữu học, vô học là bốn, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai là bốn, Chuyển luân vương là một, hợp gọi là sáu mươi hai thứ hữu tình.

Luận, nay tạo luận đây v.v... là trong số có hai giải thích: một y nhân, hai y pháp. Đầu y năng mê, nếu giải thích thứ hai y sở mê, sinh pháp ngã không, chấp hữu gọi là sai lầm, chẳng ngộ không ngã gọi là kẻ mê. Vì trừ tình chấp khiến sinh chánh giải, chánh trừ sai lầm đó, giải đoạn mê đó, chấp tình đoạn nên sở chấp bèn khiến trừ sinh chánh giải, nói khiến trừ sở chấp, sinh giải là đoạn hai lớp chướng v.v... rõ đoạn y tha, thanh tịnh y tha, viên thành nhiếp. Đại Bồ-đề, chân giải thoát, phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát, mỗi mỗi tự là đại bi, Bồ-đề v.v... các câu. Lại vì phàm phu đối Nhị thừa đối Bồ-tát, vì Nhị thừa đối Bồ-tát là câu đều được, như vậy hợp có sáu đối. Tự đối là ba, trông nhau là ba. Bồ-đề đó sánh như giải thoát, hợp làm mười hai câu. Nếu ngộ đoạn được quả giải hai lớp chướng, chướng chỉ hai chấp, vì căn bản vậy, tức chìm nghĩa sau là trùng nghĩa. Nếu khiến trừ sở chấp, đoạn y tha chứng viên thành, tức bốn giải trùng, hủy trách danh. Nếu ước về năm vị bốn đoạn khoa tức phân biệt nhanh mạnh gọi đó là trọng, vì thô mạnh vậy, chỉ kiến đạo đoạn, nghĩa đây có thể như vậy. Nếu nói căn bản gọi là trọng, là nghĩa gốc của an tuệ, trong tâm Hữu lậu đều có pháp chấp, những gì gọi là trọng? Sao gọi là khinh? Nếu phiền não chướng trong thức thứ sáu và thứ bảy gọi đó là trọng, vì phân biệt rộng vậy, kế chấp sâu. Phiền não của trong năm thức trước gọi đó là khinh, vì do kẻ khác dẫn, không chúng sinh chấp. Nếu sở tri chướng trong thức thứ sáu gọi đó là trọng, vì kế sâu giải rộng. Do cùng tuệ đồng dẫn sinh năm. Vì dẫn nghiệp nhân sinh thứ tám, hành tướng mạnh. Năm thức và thức thứ tám chướng gọi đó là khinh, vì chấp cạn giải lược, do kẻ khác dẫn sinh, hành Tịnh độ chẳng mạnh, chẳng phải hẳn tuệ chung đồng. Trong thức thứ bảy đều không pháp chấp. Do hai thứ khinh trong đây riêng biệt nên luận bèn nói do ngã pháp hai chướng sinh đủ. Nếu chẳng như vậy thì sao gọi là do và đủ? Chỉ là pháp chấp hẳn vương kẹt nhân chấp. Chẳng phải nghĩa sư đây. Chẳng nói năm thức trước và thức thứ tám có chúng sinh

chấp, chẳng nói thức thứ bảy có pháp chấp. Nếu nói hiện hành gọi là khinh, chủng tập gọi là trọng, do không chủng tập, hiện hành đều đoạn, chướng thông nhiếp cả ba, trọng chỉ chủng tập, do ngã pháp chấp, do có chủng tập, hai chướng sinh đủ. Ngoài ra hiện hành v.v... mới được sinh khởi. Nếu đoạn chủng tập thì hiện hành trọn diệt, chỉ chẳng thể nói tuệ thể gọi là chấp gọi là trọng. Ngoài ra, các tướng ứng gọi là khinh gọi là chướng, chẳng nói tuệ luôn là biến hành. Nói thức thứ tám không tuệ chung cùng. Do đây nên biết trước nói là thiện.

Lại ước về nhân quả lưu chuyển hoàn diệt mà giải đó. Hoàn diệt có nhân quả vị. Nhân vị có ba chuyển y, đó là tâm, đạo và thô trọng. Hai không là tâm, pháp tánh tâm. Chánh giải là đạo, đoạn là trọng chướng gọi là thô trọng chuyển. Trong luận Đối Pháp quyển 8 ghi: “A-lại-da là thô trọng chuyển”. Đây gọi là hai chướng. Trong luận Phật Địa ghi: “Chỗ hai chướng phát, chỗ nghiệp được quả cũng gọi là hai chướng”. Tánh không kham nhậm, vì trái với vi tế, hý luận đều phải. Đây thông cục kia, nên chẳng trái nhau, nhưng do hai chấp sinh đủ hai chướng, nên mê không gọi là chấp, đoạn gồm tất cả, đến cứu cánh vị, đoạn thô trọng chướng, tâm đạo tròn đầy nên gọi là được hai quả. Nếu y cứ giải đây, chướng kia tùy đoạn. Trước giải về nhân vị, sau giải về quả vị. Trong nhân phân làm hai: Một là giải về ba chuyển y, do ngã pháp chấp, sau giải ngộ không sinh giải nguyên do đoạn chướng. Lại y cứ sáu chuyển y để thích văn đây, y cứ văn Duy thức chẳng y cứ luận nhiếp Đại thừa. Sinh chánh giải là tổn lực ích năng chuyển, tại địa tiền nên đoạn hai trọng chướng là thông đạt chuyển, kiến đạo vị nên do ngã pháp chấp cho đến chướng kia tùy đoạn là tu tập chuyển. Tại trong Thập Địa Tu Tập vị nên đoạn chướng là được hai thắng quả nên sau là quả viên mãn chuyển. Tại Phật vị nên tổng hình sau yếu kém nên gọi là Quảng đại chuyển, tức trong văn đây thông nhiếp năm chuyển. Lại làm năm nhãn, sinh chánh giải vị là phục nhãn. Trước kiến đạo nên đoạn trọng chướng vị là tín nhãn, vì tương đồng thế gian. Hai chướng sinh tử đủ là thuận nhãn, vì thuận xuất thế. Đoạn trong địa thứ tư ở ngã chấp, đoạn trong sinh đủ có gần xa. Năm địa đoạn hại bạn gọi là gần, sáu địa đoạn suy kém một phần, gọi là xa. Đoạn chướng là được hai thắng quả, sau là vô sinh nhãn, đoạn suy kém một phần và vi tế tùy miên phải ở Phật địa được hai quả. Do đoạn tục sinh ra là tịch diệt nhãn. Do địa thứ mười đoạn hai chướng, đến Phật địa riêng được hai quả, khi ấy chỉ lấy Phật Địa gọi là tịch diệt nhãn, chẳng phải lấy mười địa riêng đoạn hai chướng tại địa thứ mười. Lại có bảy địa. Có mê nhầm là chủng tánh địa,

lúc chưa vào pháp có mê nhầm. Sinh chánh giải là thắng giải hạnh địa, văn tứ tu vị gọi là chánh giải. Đoạn trọng chướng, nghĩa là tăng thượng ý lạc địa do sau ngã pháp chấp cho đến chướng kia tùy đoạn là hành Chánh hạnh địa, Quyết định địa, Quyết định hạnh địa, đoạn chướng là được hai thắng quả là đến Cứu cánh địa. Mười Địa đoạn chướng, Phật địa đắc quả. Lại y cứ Phật pháp không gì vượt quá tu đoạn. Tọa nhiệm là đoạn đó, thanh tịnh là tu đó, trước đoạn sau đắc, như văn nói có thể biết. Bên trong của phạm thánh đều có tu đoạn. Trước sinh chánh giải là phạm phu vị, phục đoạn tu hành, sau đoạn trọng chướng là Thánh nhân đoạn đắc. Trong chân đoạn đắc phân kiến tu riêng biệt. Trong tu do ngã pháp chấp v.v... có ba cật nật: một vạn hỏi, Luận sư An Tuệ nói trong phiên nào chướng có chẳng phải chấp là hàng Nhị thừa đoạn chín phẩm tu hoặc đoạn tám phẩm trước còn lại ngã kiến chưa đoạn. Thế nào là đã đoạn các chướng khác! Rõ biết các chướng khác chẳng từ ngã chấp v.v... sinh; 2. vạn hỏi, Luận sư An Tuệ trừ thức thứ bảy nói có hai Thủ đều là sở chấp, chứng vị hai không. Nếu do chấp diệt, chướng tùy đoạn là tất cả đều chấp, năm địa làm sao mới trừ hại bạn, nên khinh chấp tùy sinh ngã chấp, bốn địa đoạn đó; ba, nếu tất cả chướng đều từ chấp sinh, tại sao địa thứ sáu thứ bảy v.v... chướng của sở đoạn chẳng gọi là hại bạn, gọi là suy kém v.v... đều là chấp khởi đó? Đáp: Có ba giải thích: một là y cứ tận xứ cứu cánh đây làm luận, chẳng nói khoảng giữa; hai là chỉ nói chướng do chấp sinh, chấp đoạn chướng diệt, chẳng nói cuối chướng diệt đều tùy bản chấp đoạn với chín phẩm của Nhị thừa, nghĩa đó có thể biết; ba là tuy tâm Hữu lậu đều có pháp chấp, Bồ-tát chấp sinh có ba lúc đoạn, chưa chấp tùy gốc. Thức thứ sáu chấp có ba vị đoạn: một là đồng thời, hai là thân gần dẫn sinh, ba là thế lực xa vời. Cùng khởi là bốn địa chấp cùng đoạn, thân gần dẫn sinh gọi là hại bạn, thế lực xa vời sinh gọi là suy kém v.v... Nên chướng và chấp đoạn có trước sau, được trong quả đoạn. Đoạn chướng là được hai thắng quả, hiển bày nhân năng mãn quả, do đoạn tục sinh ra là hiển bày quả mãn, nên văn trong văn quả phân làm hai. Nay tổng kết loại trên giải văn, đoạn thứ hai có hai: một là nhân quả ba chuyển y, hai là phạm thánh đoạn đắc. Đoạn thứ ba có hai: một là ngộ đoạn đắc, hai là khiến đoạn đắc. Đoạn thứ tư có hai: một là thắng giải hạnh v.v... bốn vị, hai là trong sáu chuyển y chỉ thành bốn vị, bốn vị nhiếp sáu. Đoạn thứ năm cũng có hai: một là năm Nhẫn, hai là bảy Địa vì phân thành năm, như vậy hợp thành nghĩa của tám đoạn.

Lại vì mở bày lầm chấp trong ngã pháp v.v... vì ngoại đạo mở bày

làm nội đạo, vì Tiểu thừa mở bày làm Đại thừa, vì biên chủ mở bày làm trung chủ, vì sơ căn mở bày làm thực căn. Trên đây là y nhân. Lại mở Duy thức bày ngã pháp, trên đây tổng giải thích hai chữ mở bày, dưới đây có mười giải thích:

1. Trừ tà hiển chánh, ngoại đạo tà lầm chấp ngã pháp, mê Chánh lý Duy thức, khiến đạt hai không nên trừ tà hiển chánh;

2. Đoạn sai nhằm để rõ chân. Tiểu thừa lầm chấp ngã pháp, mê ở chân Duy thức, khiến đạt hai không, nên đoạn sai nhằm để rõ chân;

3. Dứt hư vọng giữ chân thật, lầm chấp ngã pháp, chẳng rõ hư vọng Duy thức, mê Duy thức là chẳng rõ chân thật Duy thức, khiến đạt hai không dứt vọng giữ chân;

4. Rõ thế tục, biết thắng nghĩa, lầm chấp ngã pháp chẳng rõ thế tục Duy thức, nương y tha khởi mà khởi hai chấp, mê Duy thức là chẳng rõ thắng nghĩa Duy thức, khiến đạt hai không nên rõ thế biết thắng. Tiếp theo hai giải trên, quyển thứ chín nói hai lớp Duy thức. Bốn giải trên đều là lấy Chân như. Tại Đại Mâu-ni gọi là Pháp thân vậy;

5. Thấy cảnh quán tâm, lầm chấp ngã pháp chẳng rõ cảnh Duy thức, mê Duy thức là chẳng rõ tâm Duy thức, khiến đạt hai không nên thấy cảnh quán tâm;

6. Trừ không nói hữu, lầm chấp ngã pháp tăng thêm không pháp, mê Duy thức là tổn giảm hữu pháp, khiến đạt hai không, nên trừ không nói hữu;

7. Diệt ngu khởi trí, lầm chấp ngã pháp ngu si tăng thêm, mê Duy thức là thiếu chánh trí, khiến đạt hai không nên diệt ngu khởi trí, lưu lại hoặc nhuận sinh được chủng trí vậy;

8. Bỏ kém được thắng, lầm chấp ngã pháp, sinh tử pháp kém khởi, mê Duy thức nên Phật quả hai vị không, khiến đạt hai không nên bỏ pháp kém sinh tử, được Phật vị Bồ-đề Niết-bàn ưu thắng. Đoạn phiên não chương được Đại Niết-bàn, đoạn sở tri chương được vô lượng giác, ý thành lập Duy thức là nghĩa quả chuyển y đây;

9. Khiến đoạn chứng, lầm chấp ngã pháp có sở chấp chuyển, mê Duy thức nên chẳng ngộ y tha, khiến đạt hai không chứng viên thành thật;

10. Thô đạo tâm, lầm chấp ngã pháp thô trọng khởi, mê Duy thức nên Thánh đạo không, khiến đạt hai không chứng chân tâm, đối với lý Duy thức như thật biết. Các thích trên đây, tùy chỗ xứng đáng lý phối hợp giải thích.

Thứ ba là phá tà chấp bên trong của tạo luận, lại giải mỗi mỗi có

các Luận sư Đại thừa Tiểu thừa chấp:

Thứ nhất, Luận sư Thanh Biện y cứ Thế tục đế ngoài tâm có cảnh, cả hai đều chẳng phải không.

Thứ hai, Nhất thiết bộ trong Tiểu thừa, chấp tất cả pháp chỉ có giả danh, đều không tâm cảnh. Ngoại đạo không kiến cũng lại như vậy.

Thứ ba, Tiểu thừa chấp tâm ý thức nghĩa một văn khác. Luận Nhiếp Đại thừa nói tâm ý thức thể một là phải.

Thứ tư, Đại thừa thời thượng cổ, cũng có y cứ luận trang nghiêm chấp các tâm sở lìa tâm không thể, như ở sau, biện giải trong phần tâm sở hỏi đáp.

Nên bốn thứ trên mỗi mỗi thông Đại Tiểu hai chấp. Do đây, gồm nên có chín câu để phân biệt:

1. Thứ nhất thứ hai Tiểu thừa Đại thừa chấp cảnh chấp tâm phi không phi hữu, thứ ba thứ tư Đại thừa Tiểu thừa chấp tâm chấp sở chẳng phải nhiều chẳng phải khác.

2. Thứ nhất thứ hai Đại thừa Tiểu thừa, thứ ba thứ tư Tiểu thừa Đại thừa.

3. Thứ nhất thứ hai Đại thừa Tiểu thừa, thứ ba thứ tư Đại thừa Tiểu thừa.

4. Thứ nhất thứ hai Tiểu thừa Đại thừa, thứ ba thứ tư Tiểu thừa Đại thừa.

5. Thứ nhất thứ hai Đại thừa Đại thừa, thứ ba thứ tư Tiểu thừa Tiểu thừa.

6. Thứ nhất thứ hai Tiểu thừa Tiểu thừa, thứ ba thứ tư Đại thừa Đại thừa.

7. Cả bốn đều Đại thừa.

8. Cả bốn đều Tiểu thừa.

9. Mỗi mỗi trong bốn đều có Tiểu thừa Đại thừa, mỗi mỗi như thứ lớp, nên nói chấp cảnh chấp tâm phi không phi hữu, chấp tâm chấp sở chẳng phải nhiều chẳng phải khác.

Văn bản tụng của Thành Duy Thức y cứ luận Du-già quyển 38 ghi: “Nghĩa là các Bồ-tát lúc cầu chánh pháp phải cầu ở đâu? Phải ở nơi tất cả ngũ minh mà cầu:

1. Nội minh xứ.
2. Nhân minh xứ.
3. Thanh minh xứ.
4. Y phương minh xứ.
5. Công nghiệp minh xứ.

Chư Phật nói năng gọi là Nội minh xứ. Như vậy cho đến tất cả thế gian công xảo nghiệp xứ gọi là Công nghiệp minh xứ. Đây mỗi mỗi có bao nhiêu tướng chuyển? Nghĩa là Nội Minh luận lược nêu hai tướng chuyển: một, hiển bày tướng chánh nhân quả; hai, hiển bày tướng đã làm chẳng mất, chưa làm chẳng được. Nhân Minh luận cũng hai tướng: một, hiển bày tướng xô dẹp luận khác thắng lợi; hai, hiển bày tướng thoát khỏi luận khác thắng lợi. Thanh Minh luận cũng hai tướng: một, hiển bày an lập giới là tướng năng thành lập; hai, hiển bày tướng nói khéo thắng lợi. Y Phương Minh luận có bốn thứ tướng: một, hiển bày bệnh thể; hai, hiển bày bệnh nhân; ba, hiển bày đoạn đã sinh bệnh; bốn, hiển bày đoạn đã chẳng sinh. Công Nghiệp Minh luận hiển bày mỗi mỗi công xảo nghiệp xứ riêng biệt, chỗ làm đã xong các thứ tướng khác. Bồ-tát trước đã học Nội minh xứ. Trong Nội minh xứ lấy chánh nhân quả mà làm tướng đó, nên đáng phân làm hai: một, chưa phát thú; hai, đã phát thú vị. Nêu luận Tam Thập Tụng, hai mươi lăm bài tụng đầu nói về tướng chánh nhân quả chưa phát thú vị, năm bài tụng sau nói về tướng chánh nhân quả đã phát thú vị. Trước, trong tướng chánh nhân quả chưa phát thú, lại phân làm hai; mười bảy bài tụng nói về tướng chánh nhân, do thức biến nên các pháp được sinh, lấy thức làm nhân. Tiếp đó, tám bài tụng nói về tướng chánh quả, do chủng thức nên sinh các phân biệt, quả của pháp thể và Di thực v.v... quả của phân vị, trong đó nói về ba tánh v.v... văn của sáu bài tụng, nhân đó giải thích để ngăn vấn vặn hỏi, thuộc quả tướng nhiếp. Nếu các quả sinh Duy thức làm nhân, chỉ có thức là tại sao đức Thế Tôn nói có ba tánh v.v...? Nên thuộc ở quả, năm bài tụng sau đó đã phát thú vị, trong chánh nhân quả, văn lại phân làm hai: bốn bài tụng đầu hiển bày tướng chánh nhân, một bài tụng sau hiển bày tướng chánh quả. Trong hai vị đây, nghĩa gồm đủ nói về tướng đã làm chẳng mất, tướng chưa làm chẳng được. Nghĩa chưa thú đã thú đều đủ vậy, lý chuẩn cứ có thể biết. Có các ngoại đạo phân nhiều chấp là thường, nên nói rõ nhân tướng phá thường chấp đó. Có các Luận sư Tiểu thừa và Thất Đoạn luận v.v... phần nhiều chấp là đoạn, nói quả tướng phá đoạn chấp kia, nay vì phá đây nói rõ chẳng phải đoạn thường, nên mười bảy bài tụng nói về nhân được phân làm ba: Nửa bài tụng đầu nêu cảnh thức biến, ngã pháp không thật; mười bốn bài tụng rưỡi giải thích thể năng biến sở biến chẳng phải là ngã pháp; một bài tụng giải thích nghĩa biến. Hoặc hai mươi chín bài tụng đầu nói về tướng chánh nhân, hiển bày chẳng phải thường; một bài tụng sau nói về tướng chánh quả, hiển bày chẳng phải đoạn. Dùng nhân quả

chánh pháp của Phật làm tông để phá thường đoạn kia. Nay nên nói tổng làm hai đoạn, nhân tướng có hai: hai mươi bài tụng đầu chánh chủ nói về thể nhân, vì chưa thú nhập; tiếp đó bốn bài tụng chánh chủ nói về nhân vị, đã phát thú. Bên trong của nhân thể, hai mươi bốn bài tụng trước nói về nhân thể tục, tiếp đó có một bài tụng nói về nhân thắng nghĩa. Tánh tướng cũng vậy. Hoặc nửa bài tụng đầu lược nói về nhân, hai mươi ba bài tụng rưỡi rộng nói về nhân, nêu và giải thích cũng vậy. Hoặc phân làm ba, đó là tánh tướng vị. Hai mươi bốn tụng trước nói về Duy thức tướng, tiếp đó một bài tụng nói về Duy thức tánh. Sau đó, năm bài tụng nói về Duy thức vị. Trong phần đầu có hai: một là nêu, hai là giải thích nghĩa, là nửa bài tụng đầu lược thích vặn hỏi để nêu tông, hai mươi hai bài tụng rưỡi sau tùy chỗ nêu mà rộng giải thích. Trong rộng có ba: một, rộng nói về thể ba năng biến; 2. rộng nói về y thức sở biến; ba, rộng nói về những lời do giả mà nói. Hoặc gồm làm ba nghĩa là đầu, giữa, sau. Nửa bài tụng đầu gọi là đầu, tiếp đến hai mươi ba bài tụng rưỡi gọi là giữa, năm bài tụng sau gọi là sau. Đầu, giữa và sau, tất cả đều thiện. Nói rộng phần giữa phân làm ba: mười bốn bài tụng rưỡi đầu, rộng nói về thể ba năng biến, tiếp theo một bài tụng nói rộng về y thức biến, tám bài tụng sau rộng nói về giả nói v.v... Lại tổng phân làm ba: Nghĩa là cảnh, hạnh và quả. Hai mươi lăm bài tụng đầu nói về Duy thức cảnh, tiếp có bốn bài tụng nói về y cảnh khởi Duy thức hạnh, một bài tụng sau nói về y hạnh được Duy thức quả. Bên trong của biện cảnh nói về Chân tục đế. Hai mươi bốn bài tụng nói về Tục đế, tiếp đó một bài tụng nói về Chân đế. Trong nói về Tục đế phân làm hai: Trước nêu sau thích, như giải thích trong ba phần tướng tánh vị, tiếp theo ba phần trên như giải thích trong số. Lại, tổng phân ba nghĩa là lược, quảng và trung. Nửa bài tụng đầu gọi là lược, tiếp đến hai mươi ba bài tụng rưỡi gọi là quảng, năm bài tụng sau gọi là trung. Vì lợi căn mê ngã pháp, lợi căn mê ở thức, lợi căn mê hạnh vị. Hoặc mê sở chấp y tha viên thành như thứ lớp phối hợp. Hoặc phần đầu phá Hữu chấp, hai phần sau phá Không chấp, nên phân làm ba, chẳng thể tăng giảm. Hoặc tổng phân làm bốn: Nửa bài tụng đầu, tổng nêu phần cương yếu; mười bốn bài tụng rưỡi tiếp theo rộng bày phần năng biến. Tiếp theo, có chín bài tụng tổng kết giải thích phần vặn hỏi bên ngoài. Sau đó, năm bài tụng là phần y tu được ích. Trước chưa có nói nên tổng nêu tông, chẳng biết thức tánh thế nào, nên tiếp theo trình bày về năng biến, tuy thành lập vặn hỏi bên ngoài phải trừ nên đúc kết giải thích vặn hỏi. Đã như vậy rồi, nghe và tư duy lợi gì? Nên tiếp nói về tu được ích. Do đây thành

bốn, chẳng tăng chẳng giảm. Hoặc tổng phân làm năm: một, lược nêu tông; hai, trình bày thức tánh; ba, nói rõ nghĩa biến; bốn, giải thích vấn hỏi bên ngoài; năm, tu thành quả. Tông, nghĩa là chủ nên nêu bày trước tiên. Tuy có thức ngôn nhưng chưa biết thức tánh, nên tiếp ở trước tùy tông bày biện giải. Tuy biết thể đó, nhưng chưa rõ nghĩa biến, nên tiếp theo thức thể mà nói nghĩa biến. Tuy nói nghĩa môn, nhưng ngăn ngừa vấn vấn hỏi chưa trừ, nên tùy nghĩa biến, tiếp giải thích vấn hỏi bên ngoài, đạt nghĩa tròn đầy, tùy giải thích vấn vấn hỏi rồi nên phải vào vị, nên phân làm năm. Trong đó, phần thứ ba nói về nghĩa biến, ở phần trước phân trong bốn khoa. Thứ ba, lia khỏi phần đúc kết giải thích vấn hỏi bên ngoài, nghĩa ý có thể biết.

Luận: “Nếu chỉ có thức, tại sao thế gian và các Thánh giáo nói có ngã pháp?” Căn cứ luận Du-già giải thích là: Tổng hỏi về chỗ nói rõ tông yếu của luận đây. Hỏi là trước nghe ở các kinh nói tất cả duy tâm, nghĩa đó chưa rõ, nên đặt câu hỏi đây. Hoặc làm luận là trước tổng thọ thỉnh. Tông yếu của luận đều tại trong tâm, muốn vì người học mà phân biệt giải nói. Từ giả đặt vấn hỏi là để phát khởi nguyên nhân nói nên làm lời hỏi đây. Nếu không như vậy là trước không lược nói, thì không chấp nhận bỗng nhiên hỏi. Lại, phát khởi vấn hỏi lược có năm thứ: một, chẳng hiểu nên hỏi; hai, nghi hoặc nên hỏi; ba, thể nghiệm nên hỏi; bốn, khinh xúc nên hỏi; năm, vì muốn lợi lạc hữu tình nên hỏi. Nay là thứ năm chuyên vì lợi lạc các hữu tình, nên làm luận này. Đã đạt nên chẳng phải một hai. Tự hỏi nên chẳng phải thứ hai, nên y cứ thứ năm để phát khởi đầu mối vấn hỏi.

“Do giả nói ngã pháp, có các thứ tướng chuyển”. Luận sư An Tuệ giải thích: “Thân Phật, các pháp chẳng thể nói là ngã hay là pháp, vì chứng đắc không thể nói, chấp tập đều hết. Thi thiết ngã pháp chỉ tại nơi khác, trừ Phật ra, các hàng Di sinh đối với kế sở chấp rốt cuộc không có nên ở trên đó riêng chấp làm ngã pháp. Đức Thế Tôn vì trừ vọng thật chấp, ở nghĩa tổng Vô thượng mà thi thiết, làm ngã pháp trong Thánh giáo, như luận dẫn nêu hai bài tụng trong kinh Hậu Nghiêm. Hộ Pháp cho rằng: “Thế gian nương tình khởi vọng chấp không, Thánh giáo y cứ đạo lý nhân duyên giả thi thiết làm ngã pháp”. Luận sư Nan-đà nói: “Nương trên Tướng phần khởi sở chấp ngã pháp, tùy kế chấp vọng tình nói là ngã pháp thế gian, tức nương trên y tha sở biến mà thi thiết làm ngã pháp Thánh giáo. Tại sao? Bài tụng đầu tiên đáp vấn hỏi nên nêu tông của luận. Luận Bát-nhã Đăng mới đầu giải thích tám Bát. Luận sư Thanh Biện có hai giải thích thuận thế tục giải. Nay lấy bài tụng đây

nhiệp chỗ có nghĩa trong một bộ hết cả, do đó nêu phần đáp. Mười bốn bài tụng rưỡi sau nói rộng chỗ nêu ba thứ năng biến đây ở ba câu tụng sau, tiếp đến là một bài tụng các thức chuyển biến v.v... nói rộng câu tụng thứ ba “nó nương thức sở kiến”. Sau đó có tám bài tụng nói rộng hai câu bài tụng trên đây là do giả nói ngã pháp v.v... Hai câu tụng trước đáp vặn hỏi vặn bên ngoài trái lý. Sáu bài tụng sau đáp vặn hỏi trái kinh, lời nói tuy tự riêng biệt, ý đều nương chỗ tâm biến hiện mà nói. Sau đó năm bài tụng gồm nói rộng tu, nửa bài tụng đây nói về chỗ trải qua hạnh vị, nên trước đáp vặn hỏi tức nêu tông luận, tổng nhiếp đại ý của một bộ. Nửa bài tụng đầu phân làm ba: hai câu đầu tùy trước hỏi mà đáp, tiếp một câu tùy riêng nêu giải thích, ba câu sau tùy bày tự liệt, đây dùng nghĩa khoa, chẳng phải nương vào giải thích đoạn.

Ngã, nghĩa là chủ thể. Pháp là quỹ trì. Chủ là câu sinh ngã, không phân biệt. Thể là phân biệt ngã, có cắt đoạn. Chỉ là ngã thứ bảy. Tể là ngã thứ sáu, chủ là thế gian ngã, hay tạo tác hay thọ dụng. Tể là Thánh giáo ngã, vì nương dụng mà biện, đều thông làm năm giải thích: Thánh giáo pháp gọi là quỹ, vì nương dụng mà biện. Thế gian pháp gọi là trì, vì chấp thật tự thể năng tự trì, đều thông làm năm. Trong đây đều nương nghĩa tăng thượng mà nói. Bốn giải thích cùng nương thế gian Thánh giáo, giải thích thứ năm phối hợp riêng.

Hữu tình mạng giả v.v... Kim Cang Bát-nhã nói có bốn, tuy các tên gọi khác nhau, nay Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch là: Ngã, chúng sinh, mạng giả, thọ giả. Trong luận của Bồ-tát Thiên Thân giải thích: “Thấy năm uẩn sai biệt, mỗi mỗi ấm là ngã, vọng thủ như vậy gọi là ngã tướng”, ý đây tổng chấp ba đời năm uẩn sai biệt làm ngã. Thấy thân tương tục chẳng đoạn, gọi là chúng sinh. Đây tính năm uẩn từ khoảng trước lại tương tục chẳng đoạn nên gọi là chúng sinh. Một báo mạng căn chẳng đoạn trụ, nên gọi là mạng giả. Đây tính hiện tại hiện có mạng. Mạng căn đoạn rồi lại sinh trong sáu đường, đó gọi là thọ giả. Đây thấy đời tương lai thọ lại khởi. Lý căn cứ đây gọi là dưỡng dục giả. Dưỡng là vị lai. Các nhà phiên dịch nhầm mất, gọi thọ giả là không đúng vì sinh giả là mạng giả. Ở trong các giáo nên riêng nói có thọ giả. Do đây kinh kia chỉ nói bốn thứ để duyên ba đời tổng biệt mà tính. Luận Du-già quyển 83 chỉ giải tám tên:

1. Ngã, ngã ngã sở thấy hiện tiền hành. Nêu có năng duyên để hiển bày sở duyên, ngã thể là có.

2. Hữu tình nghĩa là các Hiền thánh như thật rõ biết, chỉ có tánh đây, ngoài ra không pháp nào khác. Lại đối với kia có mền ái đắm

trước. Tình là tánh vậy, mới đầu tổng nói nghĩa của hữu tình kia không thể có thể nêu bày, tức năm căn v.v... đều gọi là hữu tình. Đây tức là ngã, chỉ có tánh đây, ngoài ra không pháp nào khác, sau giải lấy ái làm tình, năng sinh ngã ái, nói là hữu tình, vì pháp tánh kia sinh ái trước. Nếu không có hữu tình, chỗ ái tình là ai?

3. Ý sinh là ý chủng loại, có năng tư lương thặng tác dụng. Hiện bày là ý loại nên gọi là ý sinh.

4. Ma-nạp-phước-ca y chỉ nơi ý mà có cao thấp. Nếu tổng thích nghĩa thì đây gọi là Nhu đồng. Nhu nghĩa là tốt đẹp, đồng nghĩa là tuổi trẻ, tuổi trẻ tốt đẹp gọi là Nhu đồng. Luận y cứ biệt thích, Ma-nạp nghĩa là cao, vì cao mạn kẻ khác. Phước-ca nghĩa là thấp, vì ty hạ kẻ khác. Do y chỉ ý, hoặc lãng mạn kẻ khác, hoặc ty hạ kẻ khác nên gọi là Ma-nạp-phước-ca.

5. Dưỡng dục giả, tăng nghiệp hậu hữu, vì làm dụng Sĩ phu. Mới đầu dưỡng vị lai, sau trưởng dưỡng hiện tại.

6. Bồ-đặc-ca-la do năng luôn luôn thủ các thủ, các Hiền thánh v.v... cũng gọi như thế, là từ thân cũ chưa đắc đạo mà nói.

7. Mạng giả là cùng thọ mạng hòa hợp hiện tại nên gọi là mạng giả. Thọ mạng là biệt, giả là tổng vậy, tổng giả cùng biệt mạng hòa hợp, hiện tại nên gọi là mạng giả.

8. Sinh giả nghĩa là xuất hiện đủ v.v...

Luận Du-già quyển 10 ghi: “Sinh là gì? Nghĩa là thai sinh và noãn sinh, lúc mới đầu gá sinh, các sinh thế nào? Nghĩa là tức ở thân phần kia viên mãn. Nhưng lúc chưa sinh, thú thế nào? Nghĩa là từ đó sinh ra. Khởi thế nào? Nghĩa là ra rồi tăng trưởng. Xuất hiện thế nào? Nghĩa là thấp sinh và hóa sinh thân phần liền khởi. Uẩn được thế nào? Nghĩa là các sinh vị, năm thủ uẩn chuyển. Giới được thế nào? Nghĩa là chỗ các uẩn nhân duyên nhiếp tánh. Xứ được thế nào? Nghĩa là tức các uẩn chỗ duyên khác nhiếp tánh. Các uẩn sinh khởi thế nào? Nghĩa là chỗ nuôi lớn của các uẩn thường ngày ăn uống. Mạng căn xuất hiện thế nào? Tức thọ lực khác các uẩn nên được tương tục trụ. Lược nghĩa trong đây, nghĩa là sinh tự tánh, hoặc sinh xứ vị, hoặc sở sinh hoặc chỗ nhân duyên nhiếp, hoặc chỗ Trụ trì dẫn, hoặc câu sinh y trì. Sinh thứ nhất trong mười trước và thứ năm xuất hiện là sinh tự tánh. Thứ hai, ba, tư là sinh xứ vị. Thứ sáu, uẩn được là sở sinh. Thứ bảy, giới được, thứ tám xứ được, là thuộc về nhân duyên sinh. Thứ chín, các uẩn sinh khởi, là chỗ nhận trì dẫn. Thứ mười, mạng căn xuất hiện là câu sinh y trì. Nghĩa là sinh thì có đủ mười nghĩa đây. Vì tổng tác dụng nên chỉ nói tám. Hợp dụng Sĩ phu

vào dưỡng dục giả phần nhiều tính. Nếu khai mở làm hai, tăng thêm nghiệp hậu hữu, gọi là dưỡng dục giả. Dục thân hiện tại, làm dụng Sĩ phu, gọi là Sĩ phu, đứng về đời mà khai mở. Trong kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã y cứ Phạm bản của Đỗ Hành Khải, năm Trinh Quán thứ 23 (650) thời Tiền Đường, tại cung Ngọc Hoa, ban đêm phiên dịch sáng sớm tiến dâng. Bản đã riêng biệt, so tên cũng khác. Trước tám sau chín, y cứ các bản Đại Bát-nhã v.v... và Năng Đoạn Kim Cương trong Tự bản của Đại sư Huyền Trang phân Phạm bản cũng có bốn. Do đó, phần Thích của Bồ-tát Thiên Thân v.v... chỉ có bốn chẳng phải nhiều. Trước tám của năng đoạn kia là: Hữu tình, mạng giả, sĩ phu, sở thủ thú, ý sinh, Ma-nạp-bà, tác giả, thọ giả. Văn sau nói chín là ở tám đây thêm ngã, văn trước nhân nói độ tất cả hữu tình. Hữu tình là đầu tiên, lược không có ngã đó. Sĩ phu trong đây tức là dục dưỡng giả, vì thân hiện tại làm dụng Sĩ phu. Luận Du-già nói sinh giả tức tác giả, thuộc tám thứ được nói trong đây. Sáu thứ trước là tướng biệt hành, hai thứ sau thông tướng hành, nên trước nói tám, sau gồm nói ngã. Sáu tướng biệt hành, hai thông với tướng hành do đó có chín. Đại Bát-nhã một xứ nói mười ba, trong tám loại của luận Du-già, thêm sĩ phu, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả, khai mở dưỡng dục trong tám thứ của Du-già phân làm hai đời, nên nói Sĩ phu. Y cứ đây, chín thứ trước là tác dụng biệt, bốn thứ sau tác dụng thông, y cứ tác dụng biệt, hành tướng đơn mà nói. Hoặc nói mười lăm, thêm sử tác giả và sử thọ giả, y cứ hành tướng đơn, trùng, thông, biệt nói đủ. Mười ba trước là đơn nói, hai thứ sau là trùng. Chín thứ trước biệt, sáu thứ sau chung cho cả hành tướng, Đại Bát-nhã quyển 7 nói có mười bảy, trong mười lăm trước thêm khởi giả, sử giả. Hoặc nói trong mười bảy trước, thêm sử tri giả, sử kiến giả. Hai bản văn sau cũng y cứ hành tướng đơn trùng chung riêng, tất cả nói đủ. Do đây, các giáo nói số chẳng đồng.

Dự lưu đẳng là ngang bằng với hai mươi bảy Hiền thánh, mười ba trụ đẳng Bồ-tát. Hai mươi bảy Hiền thánh gồm:

1. Tín giải
2. Kiến chí
3. Thân chứng
4. Tuệ giải thoát
5. Câu giải thoát
6. Dự lưu hướng
7. Dự lưu quả
8. Nhất lai hướng

9. Nhất lai quả
 10. Bất hoàn hương
 11. Bất hoàn quả
 12. A-la-hán hương,
 13. A-la-hán quả
 14. Cực thất phẩm hữu
 15. Gia gia
 16. Nhất gian
 17. Trung bát Niết-bàn
 18. Sinh bát Niết-bàn
 19. Vô hành bát Niết-bàn
 20. Hữu hành bát Niết-bàn
 21. Thượng lưu bát Niết-bàn
 22. Thoái pháp A-la-hán
 23. Tư pháp A-la-hán
 24. Hộ pháp A-la-hán
 25. Trụ pháp A-la-hán
 26. Phạm đạt pháp A-la-hán
 27. Trụ bất động pháp A-la-hán.
- Mười ba Trụ thánh như Sơ quyển 9 giải thích.

